TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ

RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in : 70, phố Bạch-Mai
Ty trị-sự : 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỐ NÀY :

* Bác-sĩ Yersin — *Lê-văn-Ngôn*
* Tự-vị chữ nho — *Ứng-Hòe*
* Xây mộ cụ Thủ-khoa Nghĩa — *Trực-Thần*
* Dịch thơ tây — *Cách-Chi*
* Quyển « Thi-văn bình-chú » (VII) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Phạm-Thái (kịch dài bằng thơ, II) — *Phan-khắc-Khoan*
* Nùng-Trí-Cao... (I) — *Sông-Bằng*
* Những ông nghè triều Lê (LIII) — *Ứng-Hòe*
* Nguyễn văn Trương (II) — *Nguyễn Triệu*
* Nội dung bộ « Lịch-triều hiến-chương » (I) — *H.-B.*
* Bản sách-dẫn về « Đại Nam liệt truyện » (XV) — *Thọ-Xuân*
* Đêm hội Long-trì (Tiểu thuyết, XVIII) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

Năm thứ ba — **Số 95**
Thứ năm, 13 Mai 1943

0$20

MỘT ÂN-NHÂN CỦA NHƠN LOẠI

Bác-sĩ Yersin

(22 Sept. 1863 — 1er Mars 1943)
người đã chiến thắng bịnh dịch hạch

của Bác-sĩ LÊ VĂN-NGÔN
cựu học-sanh tại Vi-trùng Viện Pasteur ở Lyon

BÁC sĩ Yersin ! Nhà thám-hiểm cực kỳ can đảm nhiều phen một thầy một tớ đề chơn lên miền nam dải núi Trường-sơn, chỗ đầy thú dữ rắn to và nhờ đó mà tìm thấy Dalat ; nhà vi-trùng học tận tâm khảo-cứu về các bịnh truyền-nhiễm của súc vật nhứt là bịnh dịch-hạch trâu bò, đã tìm ra vi-trùng chứng sốt hồi-qui (fièvre récurrente) ; nhà thực dân đã nghiên-cứu và trồng nhiều thứ cây ngoại quốc có ích cho xứ ta như cây cao-su và quinquina ; nhà bác học luôn luôn quan tâm đến cả thảy vấn-đề có quan hệ đến nhơn loại ; nhà thực hành đã gây-dựng và sáng-lập trường Y-khoa Đại học Đông-dương ; nhà hiếu học ngày tối cặm-cụi bên chồng sách báo cho tới phút cuối-cùng ! Bác-sĩ Yersin đã tạ thế tại Nha-trang ngày mồng một tháng ba tây năm 1943, thọ 79 tuổi, sau khi đã sống và chiến đấu gần 54 năm dưới trời Nam-việt !

Nhưng với ngần ấy công phu, ngần ấy lao khổ bác sĩ Yersin cũng chỉ là người ơn của ta, của xứ ta mà thôi. sự phát-minh lớn lao của ông trong phạm-vi Y học đã đưa ông lên một địa vị hết sức cao quí là *ân-nhân của nhơn loại* vì ông đã tìm đặng vi-trùng bịnh dịch-hạch với thuốc để chữa và thuốc ngừa bịnh tàn khốc đó.

***

Muốn thấy rõ điểm quan-trọng của sự phát-minh ấy, ta cần phải nhắc lại lịch sử bịnh dịch-hạch, một bịnh đã nhiều phen làm cho cả nhơn loại phải sống trong vòng khủng-khiếp, phát triển rất thình-lình, giết bịnh-nhân rất mau chóng và giết rất nhiều trong một thời-gian ngắn-ngủi đến nỗi người còn sống sót tự hỏi có phải là kỳ tận thế sắp sới rồi chăng. Nhân dân vì sợ quá mà thành ra điên dại cha giết con, vợ giết chồng, con giết mẹ. Trong lịch-sử bịnh dịch-hạch có biết bao điều thảm khốc.

Dịch-hạch phát ra lần đầu tiên mà sách có chép là ở Athènes (Hi-lạp) một trăm năm trước Chúa giáng sinh, Qua thế-kỷ thứ sáu, tại kinh đô Thổ-nhi-kỳ, 10.000 người chết mỗi ngày vì nó.

Nhưng thời-kỳ khủng-khiếp hơn hết thuộc về thế kỷ 14. Cả quả địa-cầu đều bị bịnh ấy. Vừa ngã ra chết, khắp thân-thể bịnh-nhân đều có dấu đen. Trong vòng ba năm, Âu-châu mất hết phần nửa nhơn-số và Á-châu bốn năm triệu người. Đọc lại sử sách kỷ-thuật thời-kỳ ấy, ta còn thấy rùng-mình sởn-óc : ngoài đường thây nằm ngổn ngang không người chôn cất ; mùi hôi thối lên tới cực-điểm làm cho khó thở ; người mới bịnh bị đem chôn sống ; nhiều người mẹ ăn thịt con. Người Do-thái bị tố-cáo là đem bịnh ấy gieo ra, nên bị nhân dân đón giết hằng muôn ngàn người và có lẽ còn bị giết nhiều nữa nếu đức Giáo-hoàng Chément V không tuyên-bố lên rằng người Do-thái không có can phạm chi đến việc lan-tràn của dịch-hạch. Sau ba năm lừng lẫy tung-hoành, bịnh hạch làm như đã biến đi mất. Rồi 300 năm sau, nó ra mặt lại : thành Luân-đôn, kinh-đô nước Anh, phải bị mất hết bảy muôn người và Hoàng-đế Nã-phá-Luân phải bị hao hơn hai ngàn chiến-sĩ ở Ai-cập.

Lâu lâu, bịnh hạch hiện ra, giết chỗ nầy ít ngàn, chỗ nọ ít trăm người rồi biệt hẳn ; đến nỗi năm 1850, trong mấy Y-khoa học-đường, giáo-sư nhắc lại bịnh ấy cho học-sanh nghe như một chuyện cổ tích vì cho rằng bịnh ấy không khi nào có nữa.

Bỗng, đùng một cái, năm 1894, bịnh dịch-hạch nổi lên rất dữ-dội ở Quảng-đông và ở Bombay làm thiệt mạng hơn 100.000 người.

1894 ! Ấy cũng là năm được ghi vào lịch-sử vì chính năm này, bác sĩ Yersin tìm thấy vi-trùng dịch-hạch.

***

Năm nầy, dịch hạch từ Ấn-độ, Quảng-đông đã truyền tới Hướng-cảng và Đông-dương cũng đang bị uy-hiếp một cách đáng sợ. Chánh-phủ Đông-dương lật đật đánh điện tín cho bác-sĩ Calmette đang linh-đinh trên mặt biển trên con đường về Pháp đặng kêu ông trở lại, vì ông Calmette bấy giờ là

giám đốc vi-trùng viện Pasteur ở Saigon. Đường sá xa xôi, làm sao trở lại đặng. Calmette bèn điện khuyên Chánh-phủ Đông-dương tìm ông Yersin đương vui vẻ ngao-du đâu đó trên miền thượng du Bắc-kỳ.

Được lệnh triệu, nhà thám-hiểm kiêm bác-sĩ Yersin lật-đật trở lại Hải-phòng rồi đáp tầu qua Hướng-cảng. Ngày 15 Juin, ông tới đó và hay rằng dịch-hạch đã giết hết 300 người rồi. Ông liền bắt tay vào việc. Và, 48 giờ sau, trong một túp lều tranh tiều tụy, ông chăm chỉ mổ tử-thi mà ông mới mua lại của những người khiêng đem chôn cất. Công việc làm rất khó khăn cực nhọc vì đã ít đồ thí-nghiệm lại thiếu người giúp-đỡ. Ngày kia, khi con mắt khoa học của ông đang đăm đăm nhìn trong kính hiển-vi, miệng ông bỗng rú lên tỏ có sự vui mừng vô hạn. Thì kìa, trong kính hiển-vi, lố-nhố biết bao vi-trùng hình thoi, cụt, nhỏ, mập và hai đầu đều ăn màu đỏ. Vi-trùng ấy ở trong mủ những hạch của người bị dịch!

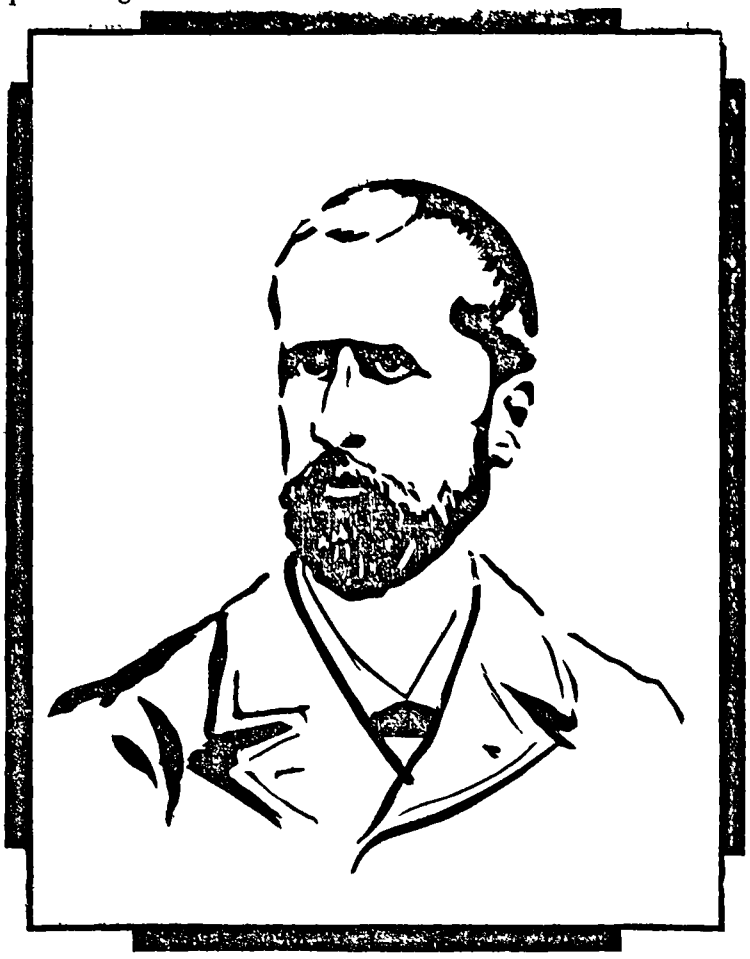

Lấy máu những người bị bịnh nặng mà xem, ông cũng thấy có vi-trùng ấy. Ông liền tìm thế « cấy » vi-trùng ấy cho thêm nhiều đặng tiện bề khảo-cứu.

Muốn chắc vi-trùng mới kiếm đặng là vi-trùng dịch-hạch, phải có chứng-quả hẳn-hoi. Phải tiêm vi-trùng này cho thú vật dễ bị truyền nhiễm như bọ, chuột, những con thú ấy hẳn bị dịch-hạch. Ông bắt đầu thí-nghiệm và thấy rõ rằng vi-trùng hình thoi ấy quả là vi-trùng dịch-hạch vì bọ, chuột dùng để thí-nghiệm đều có nổi hạch rồi chết rất mau chóng. Bịnh ấy lại truyền nhiễm rất dễ-dàng: những chuột mạnh mà ở chung với chuột bịnh đều bị lây, *không một con nào thoát khỏi.*

Vi-trùng bịnh dịch-hạch đã kiếm đặng từ đấy và cũng từ đấy nó mang tên nhà bác-học đã tìm thấy nó trước hết.

Cũng trong thời-kỳ đó, bác-sĩ Yersin xét thấy trong làng nào có dịch nhiều thì có thấy chuột nằm ngổn ngang trên đất. Sau khi tận tâm quan-sát, ông viết câu này: « Bịnh dịch-hạch là một bịnh truyền-nhiễm. Tôi tin chắc rằng chuột là con thú đem truyền bịnh ấy cho loài người. Vậy, muốn ngừa bịnh dịch-hạch cần phải tận diệt loài chuột ».

Năm 1894 ấy bác-sĩ Yersin mới có 31 tuổi. Và từ đó, chơn ông được bước lên đài Vinh-quang, tên ông được ghi vào lịch-sử.

***

Kiếm đặng vi-trùng, phải kiếm luôn thuốc trị. Không chần-chẽ, ông đáp tàu về Bá-lê (Paris) đặng cùng bạn cũ là Calmette và Borrel nghiên cứu thêm về bịnh có tiếng là khốc-hại nầy. Ông thấy rằng nếu tiêm vi-trùng dịch-hạch chết cho chuột mạnh rồi tiêm thêm vi-trùng còn sống cho chúng thì làm như chúng có đặng chích ngừa, chúng không bị dịch-hạch. Thấy vậy, ông liền dùng loài ngựa thế cho chuột và cũng thí-nghiệm như vậy. Sáu tuần sau khi tiêm vi-trùng chết cho ngựa, ông chích lấy máu ngựa để máu lắng xuống đặng lấy « huyết thanh » (sérum) nổi trên mặt. Ông dùng « huyết thanh » ấy mà tiêm cho chuột bị dịch-hạch thì chuột nầy mạnh

(*Xem tiếp trang 10*)

TỰ-VỊ CHỮ NHO

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

ÔNG Thiều-chửu (Nguyễn-hữu-Kha) mới ra quyển *Hán-Việt tự-điển*, tập bị-yếu. Sách in ở nhà in Đuốc-tuệ, khổ giấy 14×19, dày 834 trang, xếp theo bộ nhất, cổn, chủ, phiệt, chứ không theo vần a, b, c.

Tôi có đem so với quyển *Petit dictionnaire chinois-français* của ông F. S. Couvreur, là quyển rất tiện-dụng cho những người tân-học, thì tôi thấy ở hai trang đầu quyển *Hán-Việt tự-điển* của ông Thiều-Chửu thiếu những chữ sau này :

« Nhất nhất », từng cái một, hoặc từng người một, do điển Tề-tuyên vương có bọn thổi sáo 300 người ; trong số 300 người ấy có Sử-sĩ ở Nam-quách không biết thổi sáo mà cũng dự vào ; đến khi Mân-vương lên ngôi, sai từng người ra thổi để nghe (nhất nhất thính chi), thì Sử-sĩ trốn mất (*Hàn-phi tử*). Chữ « nhất nhất » dùng vào tiếng ta thì lại khác, phải cắt nghĩa là hết thảy, cái gì cũng thế thí-dụ như câu : làm việc gì cũng vậy, nhất-nhất phải nhớ đến quốc-gia.

« Nhất sinh » : 1, từ trẻ đến già ; 2, tiếng nhà Phật, nghĩa là cái thân mới sinh một lần (nhất thứ sinh thân *Từ nguyên*) : trong *Pháp-tập kinh* có câu : « Năng nhất sinh, nhị sinh,.., bách thiên sinh ».

« Nhất đức », đức trong-sạch, đơn-giản (thuần-nhất chi đức), do chữ Kinh Thư : « hàm hữu nhất đức », *nghĩa là* vua tôi đều có đức thuần-nhất. Vì có câu ấy mới hóa ra nghĩa vua tôi cùng một lòng một đức « nhất đức, nhất tâm ».

« Thất tịch », mồng bảy tháng bảy của âm lịch : quyển *Kinh Sở tuế-thời ký* chép phía đông sông Thiên-hà (tức Ngân-hà) có nàng Chức-nữ (con gái dệt vải) là con Thiên-đế, hàng năm dệt áo vân-cẩm cho Thiên-đế rất là khó nhọc Thiên-đế thương nàng ở một mình, gả cho chàng Khiên-ngưu (chăn trâu ở phía tây sông. Sau khi lấy chồng nàng bỏ nghề dệt : Thiên-đế giận, bắt về phía đông sông Thiên-hà, chỉ cho mỗi năm qua sông gặp nhau một lần, vào đêm mồng bảy tháng bảy. Ta bắt chước Tàu, nên có câu « tháng bảy mưa ngâu » : chữ « ngâu » do chữ « ngưu » nói trạnh ra. Sao Ngưu và sao Nữ là tên hai vị sao trong « nhị-thập bát-tú ».

«Thất thất», tuần 49 : tục truyền người chết cứ bảy ngày cúng một tuần, đến tuần thứ bảy là 49 ngày, làm lễ « tốt khốc » (thôi khóc). Sách *Điền-Nghệ-Hành xuân-vũ dật hưởng* chép rằng : « Người ta khi mới đẻ, cứ bảy ngày làm lễ lạp ; đến khi chết đi, bảy ngày làm lễ kỵ ; mỗi một lần lễ lạp thì sinh ra một vía (phách) ; mỗi một lần lễ kỵ thì tan đi một vía ».

« Trượng-mẫu » : 1, vợ người bạn của cha, hoặc mẹ người bạn của mình ; 2, mẹ vợ.

« Trượng-phu » : 1, gọi chung người đàn ông ; *Mạnh-tử* có câu « Bỉ trượng-phu giả, ngã trượng-

HÃY ĐỌC

VÌ-CHÚA NGUYỆT-SAN

bằng quốc-văn, hán-văn, pháp-văn

50 bis Avenue Khải-Định Huế

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA XUẤT BẢN HÀNG THÁNG

TRÌNH BÀY MỸ-THUẬT, BÀI VỞ LỰA CHỌN

VÌ-CHÚA

Là một cơ quan khảo-cứu triết-học, khoa-học, lịch-sử, văn-chương, sưu tập những cái tinh túy trong văn-hóa Âu-Á để xây đắp cho nước nhà một nền văn-hóa với cuộc đời mới.

VÌ-CHÚA

Gồm có đủ tay thông nho như Cụ Tiểu-Cao Nguyễn-văn-Mục, thông văn-hóa La-tinh Hy-Lạp như Cha Dom Romain, thâu suốt quốc văn như ông Hoài-Thanh Nguyễn-đức-Nguyên phụ bút.

VÌ-CHÚA

Rất hân hạnh đón tiếp các nhà văn không vì một định kiến đã làm cho chia rẽ sức mạnh nước nhà, vui lòng giúp Bản-san.

Một đều chắc : Các bạn đọc không khi nào thất vọng sau khi đọc VÌ-CHÚA vì VÌ-CHÚA không khi nào làm thất vọng các nhà văn.

Giá báo : 1 năm 12$00 — 6 tháng 7$00 — 3 tháng 4$00

phu giã », kẻ kia là người đàn ông, ta là người đàn ông ; 2, vợ gọi chồng là trượng-phu. Đến nghĩa « trượng-phu » của ta thì hơi khác : khen người đàn ông có chí-khí anh-hùng gọi là trượng-phu.

« Thượng-cổ », thời-đại viễn-cổ ; người ta gọi trước khi có sách-vở giấy-mực là thượng-cổ ; đời sau sở-dĩ chia ra làm « thượng-cổ » và « trung-cổ » là vì thời đại khác nhau : hiện nay trong sử Tàu phần nhiều chép từ đời Hồng-hoang đến đời Tần (221-209 trước Thiên-chúa) là thượng-cổ ; Âu-châu thì cho từ trước kỷ nguyên đến năm Tây La-mã bị mất (khoảng năm 476 sau Thiên-chúa) là thượng cổ.

« Thượng-đế » : 1, vua trên giời ; 2, đạo Cơ-đốc gọi ngôi Thiên-chúa là Thượng-đế ; 3, sách *Tố-vấn* là sách thuốc cắt nghĩa thượng-đế là vua đời thượng-cổ.

« Thượng-tọa », tiếng nhà Phật : 1, lời tôn xưng các vị tăng, ý nói ở ngôi rất cao, trên không có ai, cho nên gọi là thượng-tọa ; 2, các thầy tăng ở chùa có một chức thượng tọa, là lãnh tụ một chùa, ở dưới chức trụ-trì.

« Thướng danh », biên tên vào.

« Thướng hương » dâng hương.

« Hạ thủ » : 1, xuống tay ; 2, tay kém ; tục gọi người nghệ thuật cao-cường là thượng-thủ, người kém gọi là hạ-thủ.

« Hạ lệnh » : xuống mệnh lệnh.

« Bất nhật » : không đầy một ngày ; Kinh Thi có câu : « bất nhật thành chi », nghĩa là làm xong không đầy một ngày.

« Bất nhật » ra tiếng ta thì lại nghĩa là thế nào cũng có ngày.

Đấy là một vài chữ thiếu ở hai trang đầu xét ra toàn là những chữ thường dùng, cần phải có trong *Tập bị-yếu*, nhưng giảng vắn-tắt, không theo lối tôi giảng trên kia.

Đến cách xếp-đặt, tôi tưởng nên làm như thế này : Bao nhiêu những danh-từ, nên xếp theo chữ trên, không nên xếp theo chữ dưới. Ông Thiều-Chửu xếp « kim-thượng » vào chữ « thượng » (trang 2), kể cũng không phải là sai, nhưng đến chữ « kim » (trang 15), ông quên, không dặn độc-giả tìm vào chữ « thượng ». Giá xếp cả vào chữ đầu, thì tìm vừa dễ, vừa chóng, mà tác-giả đỡ mất công, mất giấy, chua câu : « Xem chữ... »

Tôi thí-dụ như thế này nữa, cho dễ hiểu : chữ « bình » có những danh-từ « bình-an », « bình-sinh », v.v., nên xếp vào chữ « bình » vì là chữ đầu ; còn « thái-bình » thì xếp vào chữ « thái », « thang-bình » thì xếp vào chữ « thang », v. v.

Ông Thiều-Chửu cắt nghĩa « thượng » là « trên », « hạ » là « dưới » (trang 2) ; rồi ông thêm một câu : « Phàm ở trên đều gọi là thượng », « Phàm cái gì ở dưới đều gọi là hạ ».

Thế thì rõ-ràng lắm, nhưng tôi tưởng những câu như thế, hơi thừa · giá để chỗ dẫn một hai câu thí-dụ hay in vài cái mục-lục, thì còn có ích hơn. Mục lục cho tự-vị chữ nho, tức là cái bảng chép chữ và cái bảng chép nghĩa theo vần quốc-ngữ : bảng chữ thì viết « nhất » trang mấy, bảng nghĩa thì viết « một » trang mấy, nhưng theo *a, b,* chứ không theo bộ.

Còn bộ thì phải đánh số lần-lượt : bộ « nhất » số một, bộ « cổn » số hai, bộ « chủ » số ba, v.v. Ở đầu trang cũng đánh số bộ như thế, thì tìm mới dễ. Ông Thiều-Chửu chỉ viết tên bộ với số nét, thành ra phải thuộc lòng cả 214 bộ mới tìm được. tôi mong ông sẽ bổ khuyết vào *Tập bị-khảo* cho người xem được thêm phần tiện-lợi.

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Trách mình

Nửa bụng cơm chiêm, nửa bụng rau,
Ngoài tai gác hết chuyện công hầu.
Mười lăm năm ấy : khen, chê, trách,
Riêng trách sao danh lợi chẳng cầu.

TIỀN-ĐÀM

Giá báo

Mỗi số	0$20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi
Mua báo xin giả tiền trước

Cải chính

Trong số 94 bài « Vài con số về thư viện » trang 6 cột 2 giòng 5 xin đọc là : nhà bảo quản văn khố kiêm cổ tự học (archiviste-paléographe)

Kỳ sau :

Trả cho Đỗ Chiểu
LÊ THỌ XU

Nguyễn Du viết « Đoạn trường tân thanh » vào lúc nào ?
ĐÀO DUY-AN

CHUNG-QUANH CÔNG-VIỆC

XÂY MỘ CỤ THỦ-KHOA NGHĨA (1)

do hội Khuyến-học Cần-thơ tổ-chức

TRỰC-THẦN

MỘT chiều nắng lợt, gió hiu hiu; lòng bâng-khuâng nỗi niềm hoài cổ... như có những u cảm dạt dào chỉ đợi một sức khơi nguồn là thoát thành lời than ai oán.

« Nóm-na lẽ mọn vài câu điếu,
« Văn-vôi đêm trường tiếng dế ngâm! (2)

Cái sầu lai láng của người bơ-vơ nơi chiến-lũy, một tối mây đen, *dật dờ cơn gió trốt, leo lét ánh đèn trơi,* cũng nặng bằng cái buồn man mác của kẻ viết bài này, khi lần bước vào một cảnh vườn hoang tàn, cô tịch, tay vịn cành, tay vén lá, chơn gập-gềnh trên những thửa đất gồ ghề, mà cái vắng ngắt lạnh tanh càng làm cho thêm xao-xiến, ngậm ngùi!

Nơi yên nghỉ ngàn thu của cụ Thủ-khoa năm ất-vị (1835) chẳng qua là một nắm đất tàn, một tấm-bia xanh, ngày đêm không hương khói, âm thầm bên những bụi môn, đám chuối, khác nào một nấm mồ hoang!

Hai câu thơ buồn thấm thía trên đây, khi qua Hà-âm, cụ đã đem đọc những hồn tử-sĩ, ngờ đâu, ngày nay, lại là lời than áo-não của lũ hậu sanh đang đau xót vì người thiên cổ.

Bảy mươi năm qua, từ cái giờ tang tóc mà nhà danh sĩ Long-tuyền trả xương về đất cũ, bao nhiêu ngày 21 tháng giêng đã trôi đi, thử hỏi có được bao giòng lệ tiếc nhớ? Có được bao ý nghĩ mến thương?

1872-1943, một khoảng thời-gian trọng đại. Mà, than ôi! Nào ai đã lo đến việc xây dựng một ngôi mộ tầm thường để tỏ lòng sùng bái người xưa? Nắm đất tàn vẫn giày-giạn với gió sương, tấm bia xanh vẫn thi gan cùng tuế nguyệt!

***

Ngày 21 tháng giêng năm Nhâm-thân, nhằm năm Tự-đức thứ 26 (1873), cụ *Bùi Hữu Nghĩa* từ giã cõi đời, giữa một cảnh nhà nghèo-nàn trong-sạch.

Mặc dầu gia-đình túng quẫn, cái danh giá một vị văn-thân bắt buộc có những ngày tang lễ long trọng. Sự chi-phí về ma chay được xứng đáng đã là 1 mối phiền lo!

Bà kế-thất của cụ Thủ-khoa là bà Lưu-thị-Hoán (tức Ý) buộc lòng đứng tên cùng một vài cao đồ của cụ để cầm cố chợ Bình-thủy cụ tạo hồi sanh tiền cho bà Bùi-thị-Hiền, cháu kêu cụ bằng bác. Cái số tiền vài trăm bạc chỉ vừa đủ tiêu pha vào đám táng. Cho nên, khi chiếc quan tài được nằm yên, khi một nấm đất được gom cao, thì không còn đủ sức để dựng tấm bia xanh nữa!

Rồi, từ đó, con cháu vì quá nghèo, lưu lạc khỏi nơi nhau rún, dòng lớn (bà chánh thất Nguyễn-thị-Tồn tức Diệu) thì trôi dạt về quê ngoại trên Biên-hòa, dòng nhỏ (bà Lưu-thị-Hoán tức Ý) lại về bên

NHỮNG SÁCH CỦA

LÊ-THĂNG XUẤT BẢN

Imprimerie du Nord

133, Rue du Coton, Hanoi

1·) Tiểu học Việt nam văn giáo khoa thư Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1)	1p.25
2·) *Việt nam văn phạm,* Trần-trọng-Kim	3 . 50
3·) *Grammaire Annamite,* Trần-trọng-Kim	4 . 50
4·) *Phật lục,* Trần-trọng-Kim	0 . 80
5·) *De Hanoi à la Courtine,* Phạm-duy-Khiêm	1 . 50

Đang tái bản

Nho giáo, Trần-trọng-Kim, 5 quyển. Sách in làm 2 loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

1 — Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15·/.

DỊCH THƠ TÂY

Le vase brisé

Le vase où meurt cette verveine
D'un coup d'éventail fut fêlé ;
Le coup dut l'effleurer à peine,
Aucun bruit ne l'a révélé.

Mais la légère meurtrissure,
Mordant le cristal chaque jour,
D'une marche invisible et sûre
En a fait lentement le tour.

Son eau fraîche a fui goutte à goutte
Le suc des fleurs s'est épuisé ;
Personne encore ne s'en doute :
N'y touchez pas, il est brisé.

Souvent aussi la main qu'on aime,
Effleurant le cœur, le meurtrit ;
Puis le cœur se fend de lui-même,
La fleur de son amour périt.

Toujours intact aux yeux du monde,
Il sent croître et pleurer tout bas
Sa blessure fine et profonde :
Il est brisé, n'y touchez pas.

SULLY PRUDHOMME

Chiếc bình vỡ

Trong bình lan ủa rầu rầu
Bình vừa bị quạt chạm vào rạn ra.
Quạt ngà mới sẽ phớt qua,
Người không nghe thấy tiếng va vào bình.

Nhưng mà vết rạn vô hình
Ngấm ngầm cắn chất thủy-tinh hằng ngày
Như tằm ăn lá trên cây
Dần-dà nứt một đường dài vòng quanh.

Nước dương từng giọt long-lanh
Chảy đi để nhựa hoa đành kiệt khô.
Người ta còn vẫn không ngờ :
Bình kia đã vỡ, đừng sờ đến chi.

Tay người yêu cũng có khi
Phớt qua tim để tim vì ai đau ;
Rồi tim tự nó rạn sau,
Đóa hoa tình ái héo rầu chết đi.

Mắt đời nào có thấy gì
Vết thương u-uất tỷ-ty lệ hòa
Lần lần lan rộng ai ngờ :
Tim kia đã vỡ, đừng sờ đến chi.

CÁCH CHI

ngoại ở Vĩnh-thông (Châu-đốc).

Lần-lữa tháng ngày qua, nấm mộ không bia chỉ nhờ hai trò nhứt của cụ là Nguyễn-phước-Dương và Nguyễn-giác-Nguyên chăm nom dọn cỏ.

Lối 40 năm về sau, hai người con thứ tư và thứ bảy, ông Bùi-hữu-Tú và ông Bùi-hữu-Sanh, mới lo dựng được tấm mộ bi, do con ông Tú là Bùi-hữu-Phước, một người thợ đá, khắc chữ và gửi tự Biên-hòa xuống Long-tuyền.

Tấm mộ bi nay hãy còn, bề mặt quay vào đầu mộ, và có khắc ba giòng chữ sau đây :

Giữa : *Đại-Nam*

Hiền khảo giải nguyên Bùi phủ quân chi mộ.

Bên mặt : *Tốt vu nhâm-thân niên, chánh ngoạt, niệm nhứt nhựt.*

Bên trái : *Nam Bùi hữu Tú kính lập.*

Qua khỏi trụ đá 39 — ghi 4 cây số ngàn cách châu-thành Cần-thơ — vài trăm bước và qua khỏi hàng cây gòn dựa mé mường dài theo đường tráng nhựa, thấy một nẻo đường mòn gần khuất lấp dưới đám cỏ xanh. Đi lần vào vài trăm thước là đến nơi vùi dập mớ xương tàn của cụ Thủ-khoa.

Đó chỉ là một nấm mộ gửi nhờ, vì khoảnh vườn hương-hỏa đã bán về gia-quyến ông Đốc-phủ Dương-thân-Hỉ, thường gọi là ông Đốc-phủ Hí.

Thử thách với thời-gian, nấm mộ ấy chờ đợi sự sốt sắng của 1 nhóm người hảo tâm xây dựng lại và trở thành một nơi cổ tích vẻ vang.

Hiện nay, cái trách-nhiệm nặng nề, Hội Khuyến-học Cần-thơ gánh vác. Và, có lẽ không lâu, nó sẽ hoàn toàn là ngôi mộ xứng đáng với một bực danh nho.

Giờ nay, dưới suối vàng, chắc cụ Bùi-hữu-Nghĩa đang mỉm cười thỏa mãn để cho tiêu tan cái khối tủi thầm đông đặc từ mấy mươi năm.

TRỰC THẦN

(trong Tây-đô văn đoà

(1) Cụ Bùi hữu-Nghĩa tự Nghi-chi, tại Bình-thủy, làng Long-tuyền tỉnh thơ (trước là tỉnh An giang) năm mão (1807), thác năm nhâm thân (1 Xem tiểu sử trong một bài sau.

(2) Hai câu chuyền, kết trong bài « Quá Hà Âm hữu cảm » của cụ T khoa Bùi-hữu Nghĩa.

QUYỂN THI VĂN BÌNH CHÚ

Số 7

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

V. — *Cao-bá-Quát* (bài nối)

BÀI dưới này là bài tựa đề ở tập thơ Cao bá-Quát *(Cao-bá-Quát thi tập*, sách viết bằng chữ nho của Trường Bác-cổ, số A 210). Tuy chép sai và có một vài điều không đủ tin, nhưng tôi cũng dịch ra đây để thêm tài-liệu cho việc khảo cứu :

« Ông Cao bá-Quát người làng Phú-thị, tỉnh Bắc-ninh. Hai anh em một bọc sinh đôi, người lớn tên là Quát (1), người thứ hai tên là Đạt. Lúc nhỏ đều thông-minh dĩnh-ngộ, tư-chất khác thường, nhưng ông Quát giỏi hơn. Khi ông mới bảy, tám tuổi, nổi tiếng thần-đồng. Có một ngày, đi tìm thầy để đến học, vừa gặp thầy ra bài kinh-nghĩa : « Tử tại Tề văn thiều », nghĩa là « Đức Khổng-tử ở nước Tề nghe nhạc thiều » : Ông thầy bảo Quát làm, Quát cầm bút làm xong ngay, có một câu kết rằng : « Y ! bình thủy tương phùng, Tử thị tha-hương chi khách, quan sơn nan việt, Tử vi thất lộ chi nhân, cố Tử tại Tề văn thiều... », nghĩa là : « Ôi ! nước bèo gặp-gỡ, thì đức Khổng là khách tha-hương ; quan-ải khó qua, thì đức Khổng là người lạc lối, cho nên đức Khổng ở nước Tề nghe nhạc thiều ». Văn để lên, ông thầy lấy làm khen ngợi.

« Đến năm 14 tuổi, gặp khoa thi hương, hai anh em nộp quyển ứng (2), vào kỳ đệ nhất, làm có cốc lát xong, rồi cùng trẻ con đánh quay *(kích cầu)*. Lúc bấy giờ quan trường trông thấy, hỏi gặn rằng : « Ngày hôm nay là ngày tranh khôi đoạt giáp, ai ai cũng nghiền nghĩ, ngồi yên một chỗ để làm bài, sao hai chàng lại phóng-đãng như thế ? » Hai ông thưa rằng : « Kỳ này may gặp các quan ra đầu bài dễ : anh em chúng tôi đã làm xong rồi ; vì cửa trường chưa mở (cho học-trò ra), cho nên chúng tôi đánh quay cho qua thì-giờ, chớ không dám phóng-đãng. » Quan trường nghe lấy làm lạ, hỏi rõ biết con nhà dòng-dõi, bèn ra một câu đối rằng : « Nhất bào song sinh, nan vi huynh, nan vi đệ », nghĩa là một bọc sinh đôi, khó làm anh, khó làm em ». Ông đối ngay rằng : « Thiên tải nhất ngộ, hữu thị quân, hữu thị thần », nghĩa là « Nghìn năm một kỳ hội-ngộ, có vua ấy, có tôi ấy ». Quan trường lấy làm kinh-dị, liền sai mở cửa cho ra.

« Khoa ấy hai anh em đều đỗ hương-tiến ; ngày xướng danh, người ta thấy trên đầu còn để trái đào, ai cũng lấy làm lạ. Cách vài năm sau, ông về kinh thi hội, qua Nghệ-an có một ông tiến-sĩ là quan hưu dạy học-trò. Lúc ấy đương giờ giảng bài, anh em ông vái rồi đi vào, không đợi mời mà ngồi. Vừa thấy đọc bài phú « Ma trử thành châm », mài chầy sắt thành kim, có câu : « Khả thung hốt nhĩ khả phùng, tín khả ma nhi bất lấn ; chí độn phản thành chí mẫn, tri công cửu nhi lực thành », nghĩa là đem dã gạo được, bỗng chốc lại đem khâu áo, chắc mài mà không mòn ; rất độn lại hóa rất nhanh, biết lâu công thì sức mới thành. Vị quan hưu tấm-tắc tự khen là hay ; anh em ông bịt mũi đi ra : học-trò giận, toan đánh ; vị quan hưu nói : « Không nên ; ấy hẳn là người phi-thường », rồi sai người cố mời lại. Ông Quát lại vào, vị quan hưu hỏi rằng : « Câu ấy lời văn và ý-tứ rất hay ; làm sao đại-phương lại chê ? » Ông thưa rằng : « Cái công thành ra kim, chắc không phải một ngày, thế thì hai chữ « hốt nhĩ » (bỗng chốc) rất trái lý. » Vị quan hưu nói rằng : « Phải, xin ông chữa cho ». Ông bèn đổi làm hai chữ « chuyển tác » (hóa làm), rồi cùng nhau bàn văn chương : ông đối đáp chôi chẩy, tất cả trường đều kinh phục. Vị quan hưu khen rằng : « Văn-lý của ông rất là mật-sát, tứ-ý rộng-rãi ; ngày kia lên chốn quỳnh-lâm, vào chỗ ngọc-đường, không phải ông thì còn ai nữa ? »

« Về sau ông thi hội mãi không đỗ, trong lòng căm giận.

« Khi ông ở Nội-các, thường lấy văn-tự kiêu-ngạo với người ta. Triều-sĩ bấy giờ như Hà-tôn-Quyền, Nguyễn-đức-Chứ đều là người có tiếng trọng-vọng chốn triều-đình lúc bấy giờ, thế mà ông làm câu đối để khiêu-khích, có câu rằng : « Quân-tử ố kỳ văn chi *chứ*, Thánh-nhân bất đắc dĩ dụng *quyền* », nghĩa là người quân-tử ghét lối văn rỗ-rệt, đứng thánh-nhân bất đắc dĩ mới dùng quyền. (Câu đối ấy mỗi bên có một chữ tên, có ý chê ông Quyền và ông Chứ).

« Lại có khi ông hiềm-khích với ông tiến-sĩ Nguyễn-bá-Nhạ ; ông làm câu đối rằng : « Nhữ cầu vô *nha*, hà tốc ngã ? Dư do hữu *thiệt*, khởi thâu nhân ? » Nghĩa là ngươi

nếu không nanh, sao chóng hơn ta được ? Ta còn có lưỡi, há thua ngươi. (Câu này cũng dùng hai chữ tên, vì chữ *nhạ*, nha trong quai xước, mà chữ *quát*, thì thiệt trong quai xước; đại-ý nói : vì ngươi có nanh, nên được chóng, nhưng ta cũng có lưỡi, không chịu thua ; nói bóng ông Nhạ đã đỗ rồi, nhưng ông Quát không kém, nên không sợ).

« Ấy bình-sinh ông khẩu-khí phần nhiều kiêu-bạc như thế, nên người đời hay ghét, mà ông không được đại-dụng. Sau ông được bổ giáo-thụ phủ Quốc-oai ; em là Đạt làm tri-huyện Tiên-minh (3), rồi vì ông Quát mưu nghịch, bị giết lây. Ôi ! Hai anh em ông, về việc văn-chương, thực là bậc nhất của nước ta. Chỉ vì không gặp thời, cho nên văn-chương trước-thuật dẫu nhiều, rồi cũng theo với người mà tiêu mòn đi hết ! Nay chỉ còn một phần trong mười phần mà thôi, đáng tiếc thay ! »

Ngoài những chỗ sai-nhầm tôi sẽ chua dưới này, nên xem kỹ những câu thơ, câu đối, câu văn chép trên kia, như câu « Nhất bảo song sinh, nan huynh nan đệ » và câu « Ố kỳ văn chi chứ, bất đắc dĩ dụng quyền », thì có thể tin là của ông Cao-bá-Quát, đời sau không bịa nổi.

Còn những bài hát của ông Cao-bá-Quát, sách nôm của Trường Bác-cổ chép hơi khác quyển *Thi-văn bình-chú*, tôi sao lại vài câu như sau này : Trang 108, ông Ngô Tất-Tố chép câu thứ bảy bài *Tặng biệt* là « Uầy kìa ai như mây tuôn... », chữ « ai » nấy ở bản *Ca phổ* của Trường Bác-cổ (số sách A B 170 tờ 8 a) viết là chữ « đâu » nghe phải hơn. Trang 114, bài *Đối tửu hữu cảm*, câu thứ hai, ông Ngô Tất-Tố chép là « Có bao năm ? Ba vạn sáu nghìn ngày » ; chữ « năm » đấy không phải, chính là chữ « lăm » : « bao lăm » nghĩa là không mấy nỗi, giống câu « Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy » ở bài *Nhàn hứng* in trang 115. Câu thứ chín bài *Đối tửu*, ông Ngô Tất-Tố chép là « Giang-sơn ý mà thành-thị ý » : chính là « Thành thị ấy, mà giang-hồ ấy » (theo *Ca-phổ*, tờ 13 a). Cũng bài ấy, *Cả trù thề cách* (sách Bác-cổ. số A B 160, tờ 14 a) chép câu cuối cùng hơi khác và thêm ba câu như sau này : « Bốn mùa xuân họp một nhà. (thêm) Sự tình thấm-thoắt như là con thoi ; Cho hay của thế người đời, Nghĩ chi cho thấp, dạ người như tăm ». Trang 115, bài *Nhàn hứng*, câu thứ bảy, bản *Ca-phổ* (tờ 15 a) viết là « Bóng thiều-quang thấp-thoáng dưới Nam-sơn » ; câu 11, *Ca trù* viết là « Lọ là hiên-tứ đỉnh-chung ? » Trang 118, bài *Khiển sầu* câu thứ chín : « Gõ dịp lấy, đọc câu « tương tiến tửu », ông Ngô Tất-Tố chép thiếu chữ « lấy », v. v.

Bổ khuyết. — Tri-tân, số 93, trang 9, cột 2, in sót quyển *Xuất thập tạp ký* của cụ Lý-van-Phức, (sách nôm Bác-cổ số A B 132), trong có bài *Phụ-trâm tiện-lãm* là bài ca dạy đàn bà trẻ con, bài *Tây-hải hành chu phú*, bài *Chu hồi trở phong thán*, v.v.

Trong *Tri-tân*, số 92, trang 8-9, tôi chép hiệu bà huyện Thanh-quan là Nhàn-khanh, theo sách Bác-cổ, hiện đã dẫn chứng. Có người nói hiệu Nhàn-khanh là của một bà khác, thì xưa nay trùng danh trùng hiệu là thường không lấy gì làm lạ.

Về hai câu thơ của bà huyện Thanh-quan, tôi có nhận được một bức thư của cụ cử Mai-đăng-Đệ, tôi đăng sau đây và xin cảm ơn cụ lắm : « Khi tôi còn bé nghe thày tôi đọc : « Bầu giốc giang sơn say chấp rượu ; Túi nghiêng phong nguyệt nặng vì thơ ». Nay tôi tưởng như thế là đúng. Câu trên là theo ý câu : « Túy-ông chi chí bất tại tửu, tại hồ sơn thủy chi gian » của ông Âu-dương Tu (4) Câu dưới « Túi nghiêng phong nguyệt », tức là « phong nguyệt bản năng khinh », nghĩa là túi không có tiền... Đại ý hai câu là.. bầu không còn rượu, vì non sông nên say ; túi không có tiền, vì văn thơ hóa nặng... »

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN TỐ

(1) *Các sách khác đều nói Đạt là anh, Quát là em.*

(2) *Theo quyển* Quốc-triều hương-khoa, *thì ông Quát đỗ khoa tân mão năm 1831, ông Đạt đỗ khoa giáp-ngọ năm 1834 (xem* Tri-tân, *số 94, trang 8).*

(3) *Chỗ này cũng sai, các sách đều chép là Nông-cống.*

(4) *Nghĩa là chí của người say không ở rượu, ở trong cảnh sơn-thủy.*

Nhà in

TRI-TÂN

nhận in đủ các việc, in đẹp giá tính rất hạ.

Bác-sĩ YERSIN...

(*Tiếp theo trang 3*)

được. Thuốc trị dịch-hạch bắt đầu ra đời (1896).

Kết quả rất mỹ-mãn với loài thú, nhưng đối với loài người, thuốc « huyết thanh » ấy có hiệu nghiệm như vậy chăng.?

Sau khi trở về Nha-trang đặng tiếp tục bào-chế thứ thuốc ấy, bác-sĩ Yersin đặng tin cầu cứu từ Hương-cảng gửi đến. Ông mang theo thứ thuốc mới tìm đặng và tiêm cho 23 người bị dịch-hạch : 21 người đặng cứu sống còn hai người phải chết vì đã đến thời-kỳ nguy kịch. Nhờ sự thí nghiệm tình cờ và may mắn ấy mà bác-sĩ vui mừng thấy thuốc chế với « huyết thanh » ngựa có hiệu-nghiệm rõ ràng và toàn y-giới trên hoàn-vũ cũng sung-sướng công nhận như thế. Năm sau (1897), ông có dịp dùng thuốc ấy tại Bombay (Ấn-độ) nữa và cũng cứu đặng nhiều mạng người.

***

Tìm thấy vi-trùng dịch-hạch, kiếm đặng thuốc trị bịnh nầy, biết rằng dịch-hạch của loài chuột và của loài người là cùng một bịnh, biết rằng bịnh nầy lan tràn ra được là bởi bọ chét cắn chuột chết rồi nhảy qua cắn người cũng chưa đủ điều-kiện để gọi là hoàn-toàn chiến thắng dịch-hạch đặng.

Việc cần thiết nhứt là phải có thuốc ngừa bịnh, ngăn-cản không cho nó truyền từ người nầy qua người khác.

Bác-sĩ Yersin cũng có quan tâm đến việc ấy vì đã dùng « huyết thanh » ngựa để trị bịnh dịch mà chích cho 500 người mạnh có chung sống với người bị dịch. Như ta đã biết, bịnh dịch lan-tràn rất lẹ và rất dễ-dàng đến nỗi có chỗ mỗi ngày có hàng trăm, ngàn người phải thiệt mạng vì nó. Thế mà nhờ được chích ngừa bằng thuốc « huyết thanh » nầy, mấy người nói trên đều khỏi bị lây dẫu họ đã ăn chung ở chạ với người bị hạch. Bác-sĩ Simond cũng có dịp ngừa dịch hạch với « huyết thanh » nầy và cũng thừa nhận rằng nó là một món thuốc ngừa có công-hiệu thật.

Tuy vậy, thuốc « huyết thanh » chống nổi với vi-trùng hạch chỉ trong một thời-gian ngắn-ngủi, bảy tám ngày sau phải chích lại. Vả chích đi chích lại mãi như thế không phải là không có hại cho cơ-thể. Cần phải kiếm một thứ thuốc vừa không làm hại cơ-thể vừa chỉ chích vài ba mũi là có thể ngừa đặng ít nữa cũng một năm như thuốc ngừa thiên thời, thương hàn.., mà chúng ta thường kêu là *vaccin*. Trong thuốc nầy, người ta không dùng đến máu ngựa và thường lấy vi-trùng hay độc-tố của vi-trùng rồi chế theo phương-pháp riêng mà chích cho người.

Bác-sĩ Yersin thấy trong mấy ống chai có « cấy » vi-trùng dịch-hạch đã lâu rồi có chỗ nổi u lên và chứa một thứ vi-trùng tuy giống vi-trùng ở xung-quanh nhưng yếu hơn, ông lấy vi-trùng ấy pha với nước muối rồi tiêm cho chuột ; 90 % chuột ấy được ngừa khỏi bịnh dịch. Đối với loài chuột thì vậy, còn đối với loài người thì sao ? Mà không lẽ thí nghiệm trên mình kẻ khác ! Không dần-dà, không sợ-sệt, ông lấy dao nhỏ rạch da ông và xát vi-trùng ấy vào đặng coi thử sức mạnh của nó đến đâu. Ngày sau đó, ông không bị hạch, chỉ thấy trong mình bải hoải và nhiệt độ lên chút ít.

Rồi lần lần, với nhiều nhà bác học khác, ông gia tâm thí-nghiệm. Không bao lâu, thuốc ngừa dịch hạch ra chào đời, được thông dụng

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, dầu là người mạnh, người phổi yếu, người bị lao.

BINH HO LAO

những phương pháp ngừa lao, săn sóc người phổi yếu và tiếp dưỡng người bị lao
Giá 4$00

của Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

TỔNG PHÁT HÀNH :

Hànội : *Hiệu sách Đông Tây 195 Hàng Bông*
Huế : *Hiệu sách Văn Hòa 29 Maréchal Pétain*
Saigon . *Nhà sách Nguyễn-khánh-Đàm, 12 Rue Sabourain.*

Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng Xin hỏi nơi Ông Nguyễn Khánh Đàm.

HỒ BA BỂ

là một thắng-cảnh của đất nước. Muốn biết rõ
HỒ BA BỂ ?
xin mời các bạn hãy thần du với tác-giả tập du-ký
HỒ BA BỂ
ghi chép rất rành-mạch, sửa lại rất kỹ-càng, in đẹp, giấy tốt, nhiều tranh-ảnh, bìa hai màu.
in tại nhà in Tri-Tân
giá 2$00 một cuốn.
Có bán khắp xứ Đông-pháp và tại địa-chỉ tác-giả Nhật-Nham TRỊNH-NHƯ-TẤU Tham-tá phủ Thống-sứ Bắc-kỳ Hanoi.

và từ đó tới nay, cứu biết bao nhiêu người thoát khỏi tử thần...

***

Cái óc thông minh phi thường ấy có một trái tim rất nhơn từ, quảng-đại.

Ai biết ông đều ca tụng lòng bác ái, đức khiêm tốn của ông; nhưng độ không phải là chuyện lạ đối với một lương-y tận tụy với nghề, một nhà bác-học chơn-chánh càng học tốn chừng nào càng thấy mình còn nhiều chỗ không thấu đáo. Người đã đi tới thăm ông thường nhắc-nhở rằng tuy đã nổi danh như thế mà ông trốn tránh sự giàu sang, ông ham sống một cuộc đời giản-dị giữa chồng sách báo, thường thường mặc đồ kaki, cưỡi xe máy (xe đạp) hay đi bộ như một người lao-động. Lòng nhơn-hậu của ông khiến ai cũng mến ông: ông luôn luôn giúp đỡ hoặc tiền-bạc, hoặc thuốc-men cho dân chài lưới ở gần đó, ông có để lại một số tiền đặng những người giúp việc công lâu năm lấy lời mà chi-dụng.

Ông không những mến người Việt-Nam, ông còn yêu cả tiếng nói của người Việt-Nam.

Khi đặng tin ông mất, toàn cả Đông-dương tỏ lòng thương tiếc. Dân quê ở vùng Nha-trang tối phân phiên nhau canh-gác, túc-trực bên quan tài ông vì đối với họ, ông như là một người thân, một người cha, một ân-nhân, một bậc vĩ-nhân hiếm có.

... Tình đời đen bạc! Trong vài mươi năm nữa, biết đâu bao nhiêu đức tính qui hóa ấy sẽ chẳng bị bụi trần chôn lấp dưới thời-gian! Nhưng, tử như sanh, ông không cần danh, ông không màng lợi. Luôn luôn ông sẽ là người chiến-sĩ đứng ở địa-cầu nầy giăng hai tay ngăn cản dịch-hạch và hô to: « Dịch-hạch, hãy trốn đi, ta là người đã chiến thắng mi và ta sẽ chiến thắng mi mãi mãi. »

Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Phap

1p.00 một vé

Ai chưa biết chữ nho?
Ai muốn học thêm chữ nho?

nên mua quyển

CHỮ NHO HỌC LẤY

Cử nhân DƯƠNG-BÁ-TRẠC
soạn

Giá 1$00 — cước thường 0$12 — đảm bảo 0$32

không gửi lĩnh hóa giao ngân — Để cho:
hiệu Bông Ấy, 195, hàng Bông HANOI

Các tiệm sách mua buôn có hoa hồng hậu

Sách mới.

Tri-Tân nhận được:

1°) *Gốc-tích loài người* do giáo-sư *Nguyễn đức Quỳnh* biên-khảo và Hàn-Thuyên xuất-bản.

Sách dầy 200 trang, giá 1$80. Trọn quyển chia làm 5 phần, nói từ lúc khai-thiên lập-địa, mới có vũ-trụ sau đến sự tiến-hoá của nhân loại. Thật là một cuốn sách có ích cho mọi người vậy.

2°) *Từ Hanoi đến hồ ba Bể* (tập du-ký đã đăng ở Tri-Tân) của ông *Nhật Nham Trịnh như Tấu*. Tả cuộc hành-trình của ông đến hồ Ba Bể, phong-cảnh lịch-sử hồ ấy, cùng là nhân-tình, phong-tục công-cuộc mở mang thời xưa của những tỉnh như Tuyên-quang, Bắc-Kạn... mà ông đi qua. Sách dày hơn 100 trang, trong có nhiều tranh vẽ của họa sĩ Trịnh-Vân ngoài có bìa vẽ của họa-sĩ Trịnh Hữu Ngọc giá bán 2$00 do nhà in Tri-Tân in.

Xin cảm ơn các nhà tặng sách và giới-thiệu cùng các bạn mấy cuốn sách rất có ích mới ra.

T. T.

BUỔI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỦA CHI HỘI TRUYỀN-BÁ HỌC QUỐC NGỮ HAIPHONG

Ban Quản-trị năm 1943-1944

8 giờ tối hôm 28-4, tại hội-quán hội Trí-Tri Haiphong, chi H.T.B.H.Q.N. đã họp đại hội-đồng thường niên, bầu ban trị-sự mới như sau này:

Hội-Trưởng	Lê-Doãn-Mậu
Phó hội-trưởng	Nguyễn-Sơn-Hà và Trịnh-Đình-Cung
Tổng thư-ký	Nguyễn-Huy-Tưởng
Phó thư-ký	Nguyễn-Văn-Tế và Trần-Văn-Nghĩa
Thủ-quỹ	Nguyễn-Hữu-Tảo
Phó thủ-quỹ	Nguyễn-Hữu-Tuyền và Phạm-Tai-Đoan
Giám-sát	An-Việt-Chấn và Nguyễn-Mậu-Trin
Cố-vấn	Nguyễn-Văn-Quang, Nguyễn-Văn-T[illegible] Vũ-Trọng-Khánh và Nguyễn-Văn-Xuân
Cố-vấn dự khuyết	Bùi-Huy-Thục và Đặng-Đình-Quỳ[illegible]
Ban giám-sát tài-chính có ba ông:	Trần-Đức-Hinh, Nguyên-Hồ và Hoàng Công-Lỗi.

T. M

Kịch dài bằng thơ

Thạm Thái

Viết theo « Tiêu-sơn tráng » tiểu thuyết của Khái-Hưng

Số 2

PHAN-KHẮC-KHOAN

Lớp thứ nhất

Cảnh I

Cảnh chùa Tiêu sơn về ban đêm
Một nhà sư (thứ nhất)
Một thiếu nữ
Một tráng sĩ (thứ nhất)

(Tráng sĩ dừng chân dưới đồi thấy trên chùa lấp loáng một nhà sư và một thiếu nữ).

Tráng sĩ

Một chí mưu thù một ngọn gươm,
Khắp trời ngát tỏa áng hương thơm.
Nhưng mà sự nghiệp hương muôn thuở,
Quyết trả xong thù nợ áo cơm.

Ô lạ quá! trên đồi cao lấp loáng
Bóng nhà sư với bóng một giai nhân.
Bóng đã khuất... không còn trông thấp thoáng,
Long ta sao rạo rực nỗi băn khoăn?
Ta phải quyết lần lên nghe ngóng thử,
Xem có gì bí ẩn giữa am thanh?
Hay tráng sĩ nợ duyên cùng tăng lữ?
Hay Nát-bàn cần đến ngọn gươm linh?

Nhà sư

Giai nhân ơi!
Trăng khuya đương lấp ló ở ven trời.
Giờ ân ái...Đêm buông màn dịu dịu,
Giai nhân ơi! tấm thân mềm thướt tha và yểu điệu.

Thiếu nữ

Thằng hồ mang!

(Người thiếu nữ rút giao toan hèm bỗng phía sau một chú tiểu sắc lưỡng nhảy ra đỡ lấy; nhà sư cũng rút cây chùy đồng. Cả hai cùng đấu với thiếu nữ).

Nhà sư

Hãy khoan tay sao nỡ thế ơi nàng!

Thiếu nữ

Mi phải biết
Đây là giờ sống chết:
Mi tưởng toan quyến rũ được ta sao?
Ta vờ theo... cốt chờ lúc khai đao!

Nhà sư

Ồ, thiếu nữ!
Xin đừng bỡn với bọn người tăng lữ;
Tăng lữ này là tăng lữ gươm đao,
Tăng lữ này là tăng lữ khát khao...
Nàng nghĩ lại:
Mà thực thế, đây là giờ sống chết:
Một là nàng ưng thuận... để vui vầy sum kết,
Hai là nàng gửi xác tại chùa đây,
Ba là nàng sẽ bị giải đi ngay,
Vì nàng chính là con một người nghịch phản?

Thiếu nữ (tức tối)

Ta là con quan thượng thư Đình Giản (Rồi thiếu nữ lại xông vào)

Nhà sư

Gượm thôi nàng...
(Lúc ấy người tráng sĩ đã lần đến nơi bỗng nhảy phóng vào hét lớn).

Tráng sĩ

Phường ác tăng.
Dừng đứng lại.
Hãy tiếp đón lưỡi gươm hùng khẳng khái.

Nhà sư

Ngọn chùy đây địch nổi sức trăm gươm (Rồi sấn đến gần tráng sĩ)

Tráng sĩ (giơ gươm đỡ)

À ra, ngươi cũng võ nghệ cao cường
Nhưng hãy gượm ta phân trần đôi lẽ:
Cớ sao chỗ am thiền nơi quạnh quẽ,
Ngươi lại toan hãm hại một giai nhân?

Nhà sư

Đừng giở tuồng nghĩa hiệp để mong ân
ân huệ ấy...

Thiếu nữ (xông vào).

Xin giả ngay tức khắc.

Tráng sĩ (Ra hiệu cho thiếu nữ ngừng lại chỉ về phía chú tiểu) — Nàng hãy để một mình thanh kiếm sắc.

(Rồi chàng xô vào nhà sư đánh văng cây chùy đồng trong lúc ấy thiếu nữ cũng vừa đàm ngã chú tiểu, tráng sĩ chỉ gươm vào mặt nhà sư).

Tráng sĩ

Ác tăng kia, phục xuống dưới chân ta
Gươm thiêng đây đương khát huyết đứa hung tà,
Nhưng đại nghĩa, chỉ vì chưng đại nghĩa,
Ta muốn để ngươi phân trần mọi lẽ...

Nhà sư

Bần tăng đây...

Tráng sĩ

Ngươi hãy nói mau lên!

Nhà sư

Vì vâng theo mệnh của bề trên
Đi do thám bắt được tên nữ tặc...
Của triều đình đã bao lâu ẩn nặc.

Thiếu nữ

Tên cường gian! Mi muốn mau lên cõi Nát bàn?

(Rồi ngoảnh về phía tráng sĩ) Xin mạn phép...

Tráng sĩ

Nàng hãy cho thong thả
Thoát sao được theo lưới trời nhân quả
(Với nhà sư)
À mà ngươi vừa khai trước lưỡi gươm linh
Giai nhân đây là nữ tặc của triều đình?

Nhà sư

Vâng con... của thượng thư Đình Giản

Tráng sĩ (nói một mình)

Nguyễn tướng công!

Nhà sư

Phường nghịch phản

Tráng sĩ

Thôi im ngay
Gươm thiêng ơi, trước mặt quý nương đây,
Xin hùng dũng tuốt cao lên vì đại nghĩa.

Nhà sư

Muôn lạy người, nam mô...

Tráng sĩ

Ồ khéo bịa.

Nhà sư (chỉ thiếu nữ)

Xin nhường trao giải thưởng của triều đình
Thôi, cao nhân ơi, người cứu lấy một sinh linh...

Tráng sĩ

Nhưng, với sinh linh ấy, sinh linh thêm hổ nhục,
Giả tu hành để làm điều phản phúc,
Ngươi biết chưa, ngươi phạm tội đến hai lần:
Tội dâm-bôn, hiếu sắc, tội gian thần,
Mà đây: một tráng sĩ nam nhi, một nữ lưu cân quắc,
Với hai tội, này đây hai kiếm sắc
Ác tăng kia, mi phạm tội đến hai lần,
Gươm trung này và kiếm của giai nhân
Hai ngọn sắc đưa ngươi về cực lạc
Vì đại nghĩa trừ tà dâm loạn ác!

Nhà sư

Người rủ thương...

Tráng sĩ

Quý nương hãy khai đao

Thiếu nữ

Thiếp xin vâng lĩnh ý khách anh hào
(Thiếu nữ chém nhà sư)

Tráng sĩ

Thêm nhát nữa cho linh hồn chóng thoát
Về cực lạc Nát bàn xa bát ngát...
(Tráng sĩ lại chém tiếp)

Thiếu nữ

Tráng sĩ ơi, thiếp xin đội ơn chàng,

Tráng sĩ

Quý nương sao người khả vội vàng,
Nếu quả thực chính nàng là lệnh ái
Nguyễn tướng công, người đã toan quá ải
Khi nhà vua lánh nạn trốn sang Tàu.

Thiếu nữ

Tôi chỉ là một thôn nữ, không, không đâu,
Thưa — tôi chỉ là một người thôn nữ
Bước vào đây vì một tên tăng lữ,
Thôi xin chào người và chẳng dám quên ơn...
(Lại bước đi)

Tráng sĩ

Quý nương ơi, sao nàng nỡ dấu nguồn cơn
Vâng chính thực nàng là lệnh ái
Nguyễn tướng công...

Thiếu nữ

Không, không phải!

Tráng sĩ

Tôi dám xin tuốt thẳng ngọn gươm linh
Thề với vừng nhật nguyệt với trời xanh
Gìn giữ kín. Tôi phải đâu thảm tử!
Tôi, tráng sĩ đang mong ngày đại cử...
Cũng như nàng mang một mối thù chung

Thiếu nữ

Nhưng hỡi người tráng sĩ khách anh hùng,
Cần hỏi chi kỹ càng danh vời tính
Người thiếu nữ trên đường đời vô định.

Tráng sĩ

Nhưng tôi muốn cùng trả mối thù kia:
Đá một hòn khôn nỗi dựng nên bia,
Bia sự nghiệp, bia ghi ngày hận diệt.

Thiếu nữ

Ôi vinh quang — nhưng cùng người xin kính biệt

Tráng sĩ

Song thù chung nàng nỡ vội vàng ly

Thiếu nữ

Chính vì thù chung nên tôi vội vàng

(Còn nữa)

PHAN-KHẮC-KHOAN

Sử học luận đàn

NÙNG TRÍ-CAO

vị anh-hùng độc-nhất của Rừng thiêng

SÔNG BẰNG

TRẢI qua bốn nghìn năm lịch-sử, nước Việt nam chẳng những có những thiếu-niên anh dũng như Phù-đổng Thiên-vương, Đinh bộ Lĩnh, những liệt nữ như Trưng Chắc, Trưng Nhị, có hồi vẻ vang như Lý thường Kiệt tràn sang đánh Tống, Trần quốc Tuấn chống lại Nguyên, Lê Thái Tổ đánh Minh, Nguyễn Quang Trung đại phá Tôn sĩ Nghị, mà cách đây mười thế-kỷ — vào khoảng 1038-1070 — lại có Nùng trí Cao với một bản-ngã phi-thường cũng muốn thâu-đoạt Lưỡng Quảng (Quảng đông, Quảng tây) vào bản-đồ nước Việt Nam. Cả một hồi oanh-liệt ấy vùn-vụt qua rồi, nhưng sức mạnh đánh dấu non sông linh-tú này bằng những giòng máu đỏ đầy vinh-dự vẫn còn mãi mãi. Cho nên, dù không đạt được ý-nguyện, Nùng trí Cao vẫn xứng đáng với những trang sử tốt đẹp nhà cầm bút dành riêng cho những bậc liệt nữ, anh hùng. Thuật lại những thành-tích vẻ vang Cao đã gây nên, mục đích chúng tôi chỉ muốn « rọi » một vài tia sáng vào đời Cao để các bạn có một ý-niệm về vị anh-hùng độc-nhất của rừng thiêng — vị anh-hùng mà chẳng vô-tình hay hữu ý những nhà sử đã « gán » cho các danh-là « Ngụy Nùng » tuy Cao với nhiều kỷ-công oanh-liệt vẫn đề chúng ta kính phục.

Nùng-trí-Cao là con thứ tù-trưởng Đảng Ro (Cao bằng) Nùng Tồn Phúc. Cao ra đời thì nhà Lý (1010-1225) đã làm chủ giang sơn Đại cồ Việt ngót 20 năm. Tuy vậy, trong dân-gian lòng trung-trực với nhà Tiền Lê (980-1009) vẫn chưa mất hẳn. Bách-tính vẫn ghi nhớ công-đức vua Lê đại Hành (980-1005) nhất là chiến-công rực rỡ ngài đại phá lục quân Tống do Hầu nhân Bảo, Tôn toản Hung ở Chi-lăng, và thủy quân do Lưu Trừng đứng đầu tại Bạch đằng giang hồi tháng ba năm tân-tị (981). Vì lý-do ấy nên khắp trong nước, nhiều người mượn cớ phù Lê nổi lên làm loạn. Các hoàng-tử cho chi vua Lý Thái Tông (1028-1054) thường phải thân chinh đi đánh đông, dẹp bắc luôn. Bận-rộn việc binh-bị, nhà vua không đặt quan tiết-trấn. Công việc ở các châu thường giao cho châu-mục, còn ở Thượng du thì do các tù-trưởng quản-lĩnh. Quyền hạn những vị sau này rất to, nên những vụ mưu phản xảy ra luôn.

Năm mậu dần (1038), mượn cớ trung-hưng lại nhà Tiền Lê, tù-trưởng Đảng Ro Nùng Tồn Phúc dựng nghĩa-kỳ, hưng binh tự Cao-bằng về đánh Thăng long. Phúc tự xưng là Chiêu Thánh hoàng đế, lập A Nùng làm Ninh đức hoàng hậu, đặt quốc hiệu là Trường Sinh. Sau 6 tháng nếm miếng đỉnh-chung, tháng quý xuân năm kỷ mão (1039) Phúc và con cả là Nùng trí Thông trúng kế của Lý Thái Tông đều bị chết thảm và bị bêu đầu tại Thăng long. Nước Trường Sinh tiêu-diệt. Và, khắp Đảng Ro đâu đâu cũng rải-rác lời bá-cáo của Lý Thái Tông: « Trẫm từ khi làm chủ giang sơn Đại cồ Việt đến giờ, các bầy-tôi văn vũ chưa từng sơ-suất; phương xa, cõi lạ ai nấy đều giữ phận làm tôi mà những người Nùng đời đời truyền giữ bờ cõi thường năm năm về cống-hiến. Nay có Nùng tồn Phúc cản-rỡ, tự làm lớn, trộm xưng hiệu, ra mệnh lệnh, lại hội hè dân ong, nhặng làm hại dân-cư ven cõi. Trẫm vâng mệnh trời, thân chinh đi đánh bắt được bọn Tồn Phúc 5 người đều chém bêu đầu ngoài kẻ chợ ».

Tuy thế, nhưng chỉ báo thù ở thời-đại cá-nhân được toàn-quyền tự-xử thường nung-nấu trong óc người xưa một cách nhẫn-nại mà khốc-liệt. Vì thế nên 3 năm sau, (1041, Tân tị) niên-hiệu Càn Phù hữu đạo thứ ba đời Lý Thái Tông, Nùng trí Cao lại cùng mẹ là A Nùng tự Thất tuyền (tức là phủ lỵ Thất khê, tỉnh Lạng sơn xứ Bắc-kỳ) về Đảng Ro thu-phục tổ nghiệp đặt ra Đại lịch quốc. Tin ấy đến Thăng long. Thái Tông sai Võ vệ Tướng quân Lê Phụng Hiểu đề binh lên Cao bằng. Thất cơ, Cao bị bắt rồi bị giải về kinh. Nhưng, đặt mối lợi chung lên trên tất cả mọi sự, Lý Thái Tông tha tội cho Cao. Là vì, nếu những năm sống hiến nhà vua toàn những ưu-tư thì mối u-hoài về lịch-sử còn công-

nhiên khiến ngài già hơn tuổi. Đã lâu, Ngài có ý muốn đoạt lại Lưỡng Quảng (mà nước Nam bị nước Tầu chiếm từ cuối đời triệu, 207-111 trước T. L.) nếu Ngài có sẵn tướng tài. Đánh Lào, bình Chiêm nhờ sức ba hồ tướng Lý thường-Kiệt, Lý nhân Nghĩa, Lê phụng Hiểu, Nam quân đã ca khúc khải-hoàn. Nhưng thực hành nổi việc vỹ đại kể trên, Ngài rất cần một người hiểu rõ-rệt địa thế đồn lũy và cách dụng binh của Tống quân. Công việc ấy ngoài Nùng trí Cao ra không ai cáng đáng nổi. Sinh-trưởng tại biên-thùy, Cao thực đáng để đấng chi-tôn tin cậy. Cho nên từ địa-vị một ông hoàng vong-quốc, Nùng trí Cao công-nhiên được Lý Thái Tông phong làm Quảng-uyên mục. Hơn thế nhà-vua còn đứng chủ-hôn cho Cao kết-duyên cùng Tạ vân Anh, con gái đô-thống Tạ đình Hồ. Nhưng, Cao là người đầy nghị-lực nên bả vinh-hoa ấy không sao chi-phối nổi Cao, một vị anh-hùng lúc nào cũng sẵn sàng rất nhiều kế-hoạch nhiệm-mầu để định-đoạt số mệnh cả một giống-nòi. Thất cơ phải tòng quyền, Nùng trí Cao buộc lòng nhận quan-chức nhà Lý. Và, để tỏ tấm lòng trung đối với quân-vương, Cao đã ra đền Đồng cổ (làng Yên thái Hà-nội), thề hết lòng khuông-phù Lý triều. Nấn-ná tại kinh-đô Thăng long giòng giã sáu năm, Cao đánh Lào, bình Chiêm, gây được nhiều chiến-công oanh-liệt. Nhưng chẳng bao giờ ông « Hoàng vong quốc » ấy quên-khuấy mối thù không đợi trời chung. Cuối năm mậu tí (1040) được Lý Thái Tông ủy đi dẹp giặc ở Bình-gia (Lạng sơn) khi ca khúc khải-hoàn đáng lẽ lộn về Thăng long thì Cao kéo quân lên Đảng Ro. Tại đấy, những bộ-hạ cũ của tù-trưởng Nùng tồn Phúc là Hoàng sự Mật, Đoàn Hồng, Nguyễn dư Khương, Đinh ứng Long sẵn sàng chờ đợi để Nùng trí Cao lên ngôi tôn. Hồ về rừng. Lực-lượng Cao đã mạnh-mẽ lại càng thêm mạnh-mẽ. Chẳng kiêng nể gì nữa, Cao tự đặt mình làm quốc-trưởng nước Đại Nam, tiếm hiệu là Nhân huệ hoàng đế. Thái-úy Quách Thịnh Đạt được lệnh Lý Thái Tông để binh lên Thất tuyền song bị tướng Đinh ứng Long đánh bại. Thanh-thế Cao lan sang tận Yên kinh (Tầu). Rồi, nhân khi nguyên-soái Địch Thanh và bốn tướng Thạch Ngọc, Lưu Khản, Trương Trung, Lý Nghĩa bận việc chinh-phục nước Tây Liêu, Nùng trí Cao nhờ có pháp sư là Quách đầu-đà giúp sức, đem binh tràn sang Ung-châu (Trung hoa) Rồi tiện dịp chiếm cả tám châu: Hoành, Quý, Cung, Tầm, Đằng, Ngô, Khâng, Đoan thuộc tỉnh Quảng tây.

Được tin cấp-báo, Tống-Nhân-Tông không ngờ nước mà họ thường coi là man lại sản-xuất ra 1 nhân-vật có những hành-vi kinh-thiên, động-địa, liền sai 2 hồ-oai tướng quân Dư Tĩnh và Tôn-Miện để binh xuống miền Nam. Thủ hiểm, Nùng-trí-Cao hạ địch quân một trận tan-tành. Thanh-chế Cao đã lớn càng lớn thêm. Thắng trận nhưng đem số quân ra so-sánh thì binh Tống bấy giờ đông gấp tram quân Nùng. Vẫn biết cách điều-khiển quân độ đều ở tài thao-lược cua viên tướng giỏi không cốt ở quân ít nhiều nhưng, muốn quân lính được yên tĩnh nghỉ-ngơi để rồi lại hết sức phấn-đấu mà chiếm thêm những thành-tích lẫy-lừng nữa, nên Nhân-Huệ Hoàng-đế dâng sớ xin vua Tống cho lĩnh chức Tiết độ sứ châu Ung và châu Quý. Tống-Nhân-Tông toan ưng lời. Song nguyên soái Địch-Thanh cho rằng Tống triều sẽ mất cả thể-diện nếu không chế nổi Cao; bèn tình-nguyện để binh đi tiễu bọ Nùng. Hợp quân cùng Dư-Tĩnh và Tôn-Miện, Địch-Thanh đóng quân ở Tân-châu, cấm các tướng động binh. Trần-Thự — kiểm-hạt Quảng tây — trái tướng lệnh liền bị giết.

Bấy giờ Nùng quân chiếm Côn-luân quan, tuồng địch quân yếu thế chẳng phòng bị gì. Gặp ngày thượng-nguyên, Địch-Thanh sai quân đốt đèn, thắp đuốc huy hoàng rồi đặt tiệc khao thưởng các tướng tá cùng các hàng quan-lại. Tiệc đang vui, Thanh cáo bệnh đứng dậy lui vào sai Tiêu đình Quý tam làm chủ tiệc và thỉnh-thoảng lại sai người ra mời mọc và xin lỗi khách-khứa. Sáng hôm sau, lúc quan khách còn chưa giải-tán thì bỗng có tin báo hồi trống canh ba đêm trước Địch Thanh đã đánh chiếm được Côn luân quan. *(Còn nữa)*

SÔNG BẰNG

Đã bán quyển 2 :

NHÀ VAN HIỆN ĐẠI

của VŨ-NGỌC-PHAN

Có 14 bức ảnh các nhà văn độc lập :

a) Biên-khảo — b) Tiểu thuyết — c) Thi ca

Sách 300 trang giá 2 $ 50

Loại đặc-biệt dó lụa : 10 $ 00

Mua sách trả tiền trước, mỗ quyển thêm 0 $ 50 cước, gửi v Tân Dân, 93 Hàng Bông Hanoi

Bia Văn miếu

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 53

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

BIA số bảy, còn dựng ở sân Văn-miếu Hà-nội, đề tên các ông tiến-sĩ khoa tân-sửu, năm Hồng-đức thứ 12 (tức năm 1481) (*Hồng-đức thập-nhị niên tân-sửu khoa tiến-sĩ đề danh ký*). Bài văn bia ấy dịch ra sau đây :

« Năm tân-sửu hiệu Hồng-đức, kể từ nhà Lê mở nước (năm 1428) là nam thứ 54, kể từ Hoàng-thượng (Lê Thánh-tôn) trung-hưng (nam 1460) là năm thứ 22. Kỳ đại-tỵ mở khoa thi, (đại-tỵ tức là thi hương, thi hương, xong rồi thi hội), đến đây là 11 lần. Những người ứng cử khoa này đến nộp quyển quan Bộ Lễ (Xuân-quan) có đến hơn hai nghìn, lấy người hợp cách để tiến lên đại-đình, chỉ có một phần trong 30 phần : lựa lọc như thế là rất kỹ. Ngày hôm đình-thi, quan hữu-ty đến đông đủ ; mỗi người coi một việc.

« Vua ngự chính-điện, ban cho đầu bài. Ngày hôm sau vua tới ngự-lâm, rồi định thứ bực, cho Phạm-đôn-Lễ đỗ đầu, Lưu-hưng-Hiếu thứ hai, Nguyễn-doãn-Địch thứ ba : ba người ấy cho đỗ tiến-sĩ cập-đệ ; còn thì cho đỗ tiến-sĩ xuất-thân và đồng tiến-sĩ xuất-thân, ân vinh lần lượt, theo đủ như phép thường : ngoài lệ sung vào Hàn-lâm, được đặc-ân gia nhất cấp (một bực). Rồi sắc quan Bộ Công (Đông-quan) chạm đá khắc tên ở nhà Quốc-tử-giám, sai thần Xung-Xác làm bài ký này.

« Thần chắp tay cúi đầu dâng lời nói rằng : (Kinh thi có câu) : « Dự-mao tư-sĩ », nghĩa là kẻ sĩ kia có tiếng tốt, ý nói vua Văn-vương có lòng săn-sóc. Lại có câu : « Hà bất tác nhân ? », nghĩa là Sao chẳng dạy người ? ý nói vua Văn-vương có đức hòa-vui. Đức Hoàng-thượng cổ-vũ nhân-tài, việc văn-trị nhiều như lông nhím, có lòng nhân như thơ *Vực-bốc*, có đức-hóa như thơ *Thanh-nga*, thế là hoàng-thượng đối với vua Văn-vương, tuy thời-đại khác nhau mà công-đức giống nhau. Người học-trò sinh ở đời này, gặp được bậc Thánh-minh, tiếng văn-học vang lừng trong nước, ơn mưa móc thấm nhuần đức hóa đời thịnh. Nhân hội phong-vân, trông ánh sáng mặt giời mặt giăng lên đường vinh tiến, vào lối anh-hùng, khắc tên vào đá tốt, để lại lâu xa, há chẳng vinh-hạnh lắm ru ?

« Tuy vậy, danh là bề ngoài của sự thực, tốt là đối với xấu ; có danh có thực, chẳng tốt hay sao ? Có danh không thực, chẳng xấu hay sao ? Người được khắc tên lên bia đá này, vẫn đành là lấy hạnh nghĩa tự sửa mình, đem văn-học tự khuyến-khích, để làm chân trạng-nguyên, làm danh tiến-sĩ, trên không phụ triều-đình kén chọn, dưới không phụ sự học bình-sinh, không nên như Công-tôn (1) là người khúc-học theo đời (2), Hoan-lang (3) lấy phép mới lừa người, vì hai người ấy chỉ làm lụy cho khoa-mục đó thôi.

« Vả lại phiến đá này dựng ở nhà Đại-học, cốt để những người làm quan (tấn-thân), những bọn học trò (chương-dịch), mắt nhìn vào, miệng đọc đến, tròng mong ngẫm-nghĩ, hâm-mộ ước-ao, để làm cái nhịp kích-lệ lòng người : cái ý tốt chuộng văn của đời thịnh, đối với cỗi gốc việc trị nước và phong-tục giáo-hóa quan-hệ lắm thay !

« Thần dám đâu vì ngu-lậu mà từ chối. Vậy kính-cẩn làm bài ký này.

« Hiền-cung đại-phu Hàn-lâm-viện thị-thư kiêm Tú-lâm cục tư-huấn, thần Nguyễn Xung-Xác phụng sắc soạn. — Mậu-lâm tá-lang trung-thư-giám điển-thư, thần Phan-Trung phụng-sắc thư. — Mậu-lâm lang Kim quang môn đãi-chiếu, thần Tô-Ngại phụng sắc triện.

« Bia dựng ngày rằm tháng tám năm Hồng-đức thứ mười lăm (1484).» (*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

---

1) Công-tôn tức Công-tôn-Hoằng, lúc nhỏ nhà nghèo, chăn lợn ở trên bãi bể ; ngoài 40 tuổi, mới học Xuân-thu tạp-thuyết ; đầu đời Hán Vũ-đế (140-88 trước Thiên-chúa) thi hiền-lương vào đối sách đỗ thứ nhất, bổ chức bác-sĩ. Công-tôn-Hoằng là người học rộng nghe nhiều, tập làm từ-hàn, điểm thêm văn-chương. Mỗi khi bàn-bạc trong triều, bày tỏ nguồn gốc, để vua tự chọn, không bắt-bẻ trước mặt : vua bằng lòng lắm, năm Nguyên-sóc, cho làm thừa-tướng, phong Bình-tân hầu, Hoằng mở đông-các để vời người hiền, được bổng-lộc đều cấp cho tân-khách, mà mình thì ăn gạo xấu mặc áo vải : vua càng khen. Nhưng ngoài mặt khoan-dung, mà trong lòng thâm-hiểm hễ ai có hiềm-khích, tuy giả cách thân-thiện, mà báo ngầm. Cấp ấm từng chê Công-tôn-hoằng là dối-dá, mà Vũ-đế vẫn không biết (chép trong Từ-nguyên, quyển tỵ trang 282).

2) Đời Hán, Viêu-Cổ và Công-tôn-Hoằng cùng được vua vời. Trong bài chiếu của vua có câu : « Công-tôn-tử vu chính học dĩ ngôn, vô khúc-học dĩ a-thế », ý nói Công-tôn-tử chăm vào chính-học để bàn luận việc nước, không nên khúc-học để theo đời nghĩa là không nên có cái học-vấn tà-khúc để a-dua thế-tục.

3) Vương Kinh-công (tức Vương-an-Thạch làm tướng đời Tống Thần-tôn (khoảng năm 1068-1078), phong tước Kinh-quốc-công, mưu cải-cách chính-trị gọi là « tân-pháp » (phép mới » dư-luận bấy giờ sôi-nổi. Liễn-văn-lục chép « khi Vương Kinh-công mới sinh ra, có con-heo rừng « hoan » vào trong nhà, một chốc mất không thấy, cho nên tiểu-tự của Kinh-công là hoan-lang » « chép theo từ-nguyên ».

NỘI-DUNG BỘ

LỊCH TRIỀU HIẾN-CHƯƠNG

HOA-BẰNG

NHƯ trong hai số Tri-Tân (55 và 69) đã nói, *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy-Chú là một bộ sách rất cố giá-trị về văn-học và sử-học. Sách gồm 49 quyển, chia làm 10 loại-chí. Từ *Dư-địa chí* đến *Bang giao chí*, tác-giả ghi chép đều có phương-pháp. Nay theo thứ-tự trong sách mà phân-giải từng loại-chí như sau :

I. — Dư-địa chí (quyển I — V)

Cương-giới các đời (quyển I).

Phong-thổ các đạo (Thanh-hóa, Nghệ-an, Sơn-nam : quyển II).

Phong-thổ các đạo (Kinh-bắc, Sơn-tây, Hải-dương, Quảng-yên : quyển III).

Phong-thổ các đạo (Hưng-hóa, Thái-nguyên, Cao-bằng, Lạng-sơn : quyển IV).

Phong-thổ các đạo (Thuận-hóa, Quảng-nam, Phú-yên, Bình-khang, Diên-khánh, Bình-thuận, Gia-định, Hà-tiên, Định-tường : quyển V).

Loại *Dư-địa chí* trong năm quyển trên đây, tác-giả chép từ đời Hùng-vương lập quốc chia nước làm 15 bộ, trải cuộc Bắc-thuộc Hán, Đường, xếp đặt phân chia mỗi lúc một khác. Rồi từ đời Đinh, Lê, Lý độc-lập trở đi, hoặc noi theo, hoặc đổi khác, tác-giả kê-cứu các sách cũ và các liệt-truyện, rộng nhặt tài-liệu mà ghi chép. Trước hết nói về phong-cương, rồi đến sự phân-chia các thừa-tuyên. Có nêu ra hai mục : « *lịch đại cương-giới chi thù* » (sự khác nhau về bờ cõi của các đời) và « *chư đạo phong-thổ chi biệt* » (sự phân-biệt về phong-thổ của các đạo) khiến cho độc-giả chỉ mở sách ra xem mà biết rõ được xưa nay xếp đặt ra sao và sự-tích ở các nơi xa gần thế nào.

Chỗ nào muốn tỏ ý-kiến dị đồng với sử cũ sách xưa, ở loại-chí này cũng như ở các loại-chí khác, tác-giả có lời *án* ở dưới.

II. — Nhân-vật chí (quển VI — XII)

Trong loại *Nhân-vật chí* này lại chia :

Thống-truyền của các đế vương (quyển VI).

Bắt đầu chép từ Kinh-dương vương (2879 trước Tây-lịch) đến Lê Chiêu-thống (1787-1789).

Mục « Trịnh vương thế-hệ », tác-giả kể từ Thế-tổ Ninh-khang đại vương Trịnh-Kiểm (1539-1569) đến Yến-đô vương Trịnh-Bồng (1786-1787).

Phụ sau đấy là sự-tích nhà Mạc : kể từ Mạc Đăng Dung (1527-1529) đến Mạc Mậu-Hợp (1562-1592).

Phương-tiện để chép loại-chí này, tác giả có thanh-minh ở cuối mục « Đế vương chi thống » rằng : « Án : Quốc-thống nước Việt ta, từ vua Đinh Tiên-hoàng dẹp yên các sứ-quân, lên ngôi báu, rồi mọi triều-đại nối nhau, làm vua xưng hùng dưới trời Nam. Chính-thống của nước bấy giờ mới định.

« Lê, Lý, Trần, Lê, về mặt hưởng quốc-tộ, dẫu có dài ngắn khác nhau, nhưng lúc ban đầu được nước, hoặc do trao nhường, hoặc do tranh-giành, rốt lại huy-hiệu vẫn đều đáng chép cả. Duy có họ Hồ cướp nhà Trần, họ Mạc cướp nhà Lê, tỏ ra bội nghịch một thời, đều không được kể là chính-thống. Nhưng việc làm của họ cũng có chỗ không thể vùi-dập được ; cho nên đều chép phụ vào trong đó.

« Đến như Trịnh-vương đời ủng-hộ Lê-hoàng, chuyên giữ quyền chính, thì thế-hệ họ Trịnh cũng nên chép đủ cả. »

Còn cái cớ tại sao tác-giả không chép các chúa Nguyễn, là vì : Các chúa Nguyễn cai-trị ở Nam-hà (từ phía nam sông Gianh (Linh-giang) trở vào trong) trải 200 năm, công nghiệp thế nào đã có Quốc-sử và Thực-lục chép đủ, nên tác-giả không dám vượt quyền mà chép nữa.

Những bậc phù-tá có công-lao và hiền đức (quyển VII) :

Đời Lý 4 người ;
Đời Trần 10 người ;
Lê-sơ 18 người ;
Đời Mạc 1 người

Tiếp theo mục trên (quyển VIII) chuyên chép về những danh thần đời Lê Trung-hưng, cộng 39 người.

Những ông tướng có tài cá và danh-tiếng (quyển IX).

Đời Lý 2 người ;
Đời Trần 4 người ;
Đời Lê 10 người.

(*Xem tiếp trang 27*)

NGUYỄN-TRIỀU TRUNG-HƯNG CÔNG-THẦN

TRUNG QUÂN

NGUYỄN VĂN TRƯƠNG

(1740 — 1810)

Số 1

NGUYỄN TRIỆU

NGUYỄN văn-Trương (1) là người huyện Lễ - dương, tỉnh Quảng - nam. Khi còn nhỏ, nhà nghèo, phải đi ở chan trâu cho người ta. Trương thường chơi đùa với những trẻ mục-đồng : chia làm quân ngũ, tự xưng làm đại-tướng, rồi chia ra làm hai đảng đánh nhau để chơi. Đến khi khôn lớn mới dời vào ở trong đất Gia-định.

Khi quân Tây-sơn vào đất Đồng-nai, Trương theo Tây-sơn, được làm đến chức Chưởng-cơ.

Sau trận đánh ở Long-xuyên, quân nhà Nguyễn thất-lợi. Trương đem quân đuổi chúa Nguyễn-Ánh, đến khi đã gần đuổi kịp thì trời đương quang, mây đương tạnh bỗng có một cây lớn gẫy đổ, chặn ngang đường, lấp mất cả lối đi. Trương thấy vậy, lấy làm kinh-ngạc vô cùng, biết chắc rằng Ngài là chân-chúa, nên mới xui ra như vậy, bèn dẫn quân rút lui mà không đuổi nữa. Từ đó Trương đã có lòng muốn quy-phục theo chúa Nguyễn.

Năm Đinh-vị (1787), Trương giữ đất Long-xuyên. Chúa Nguyễn-Ánh ở Vọng-các về, sai cai cơ là Nguyễn văn-Mẫn về trước để bảo tin và dụ đảng Trương. Trương bèn sai thuộc-tướng là Nguyễn văn-Điềm đem binh-thuyền ra cả ở cù-lao Phú-quốc đón chúa Nguyễn để đầu hàng và xin Ngài đem quân về Long - xuyên để đồ kế tiến - thủ.

Khi chúa Nguyễn-Ánh về tới nơi, Trương đem ra hơn 300 quân và 15 chiếc chiến-thuyền dàn ở hai bên sông để bái-yết.

Ngài lấy làm mừng lắm, cho Trương làm Khâm-sai Chưởng-cơ quản đạo tiên-phong Trung-quân thủy - dinh và bọn thuộc tướng Trương là Hoàng văn Điềm cũng được phong chức.

Trương bèn đem quân tự Long-xuyên tiến binh lên đánh đồn Trà-ôn, phá tan được tướng của Tây-sơn là Chưởng-cơ Tri đóng ở Mỹ-lung để chống với quân nhà Nguyễn.

Đến năm Mậu - thân (1788), Nguyễn-vương tiến binh đến Hồi-oa (2) Nguyễn-vương sai Trương cùng với Tô văn-Đoài giữ Hữu-trại, Hoàng văn-Khánh và Tống phúc-Ngoạn giữ tả-trại đối-diện với lũy của quân Tây-sơn, đánh nhau kịch-liệt mấy ngày, quân địch phải bỏ chạy. Vua Nguyễn thừa thắng tiến đánh lấy thành Sài-Côn và rồi lại sai Trương án-thủ đất Mỹ-tho để tiếp ứng với bộ binh ở Trấn-định.

Thái-bảo Tây-sơn là Phạm-văn-Tham phải bỏ thành mà chạy.

Sau khi khắc phục được thành Gia-định, vua Nguyễn lại sai Trương đi tuần tiễu các cửa bể để chặn đường không cho quân Tây-sơn lui chạy về Qui-nhơn được. Tham phải chạy về Cần-giờ thì lại bị quân chúa Nguyễn đánh phá. Tham liền chạy về Hàm-luông (3) cứ hiểm để chống lại.

Năm Kỷ-dậu (1789), Nguyễn văn-Trương lĩnh chức quản Tiên-phong thủy quân cùng với Hậu quân Tôn-thất-Hội, Võ-Tánh và Tiền quân Lê văn-Quân hợp lực đánh Thái bảo Tây-sơn là Phạm văn Tham. Sau Tham thế cùng, kiệt lực, phải đến cửa quân bên Nguyễn xin hàng.

Tháng 3 năm nhâm-tý (Mars 1792), vua Nguyễn duyệt thủy quân ở cửa Cần-giờ, Trương đi hộ-giá.

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

Những thành-ngữ và từ ngữ của ta trong các thơ văn xếp đặt sại thành một pho từ điển, *rất tiện cho sự tra cứu trong khi đọc ách và nhất là cho các học-sinh học khoa quốc-văn trong các trường.*

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH

Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

Sách khổ rộng 16 × 25 ngót 400 trang

Giá bán lẻ . . . . . 5$00

Vị nào gửi tiền đặt mua trước ngày 1er Mai 1943, xin biếu 10 % cước phí không phải chịu.

Những giáo-sư các trường công tư, đặt tiền mua trước từ 10 quyển trở lên xin biếu 20 % cước phí không phải chịu.

Thư và ngân phiếu xin gửi và đề rõ :

Ô. Quảng-vạn-Thành { *16, Phố Lê Lợi HANOI*
51, Doumer HAIPHONG

Nhân có gió mùa thuận, Ngài bèn kéo cả thủy-quân ra cửa Thi-nại. Thừa lúc quân địch không phòng bị, Ngài sai Trương quản đốc « Long-thuyền » và Thành quản đốc « Phượng thuyền » tiến vào trước (4); còn quan quân đi tiếp theo sau.

Thấy quân nhà Nguyễn thình-lình kéo đến, quân Tây-sơn hoảng hốt bỏ chạy. Quân nhà Nguyễn phóng hoả đốt hết thủy-trại của Tây-sơn, thu lấy một ít chiến-thuyền, rồi kéo quân về Gia-định.

Tháng 3 năm qui-sửu (Avril 1793), Nguyễn văn-Trương theo vua Nguyễn ra đánh Qui-nhơn. Vua đốc cái chiến thuyền vào cửa bể An-dụ; còn Trương thì cùng với Nguyễn văn-Nhân, Nguyễn-đức-Thiện chia quân, làm 3 đạo đánh đốt phá được binh thuyền của Tây-sơn rất nhiều. Vì Trương giỏi về thủy chiến, đánh đâu tan đấy, nên quân Tây-sơn đã phải bảo nhau rằng:

« *Nguyễn-văn-Thành chỉ có mưu trí nhưng chậm chạp, Nguyễn-văn-Trương thì vừa khoẻ, lại vừa mau trí khôn...* »

Tháng tư năm đinh-tị (Avril 1797), Nguyễn-vương lại thân-chinh ra đánh Quy-nhơn, Trương phụng-mạng điều-bát 5 thủy-dinh làm thủy-đạo tiên-phong đánh đuổi được đô-đốc Tây-sơn tên là Thiêm ở Tiên-châu, rồi theo hộ giá tiến đến cửa Đà-nẵng, lại phá luôn được trận-thế của quân địch ở gò Phú-gia.

Đến năm canh-thân (1800), Trương lại theo hộ giá đến Cù-mông. Nghe Tây-sơn có hơn 150 chiến thuyền đậu ở cửa bể Đề-di, Trương lập tức đem quân đến đánh phá, quân địch phải bỏ thuyền mà chạy; quân nhà Nguyễn bắt được lương thực rất nhiều.

Tháng giêng năm Tân-dậu (Février 1801), đại-binh Nguyễn-triều tiến đến cửa Thi-nại, Trương dò biết được khẩu-hiệu của quân địch, canh ba đêm hôm 19, Trương bơi một chiếc thuyền nhỏ vào gò Tiêu-cơ, sau khi chèo qua một dãy chiến-thuyền lớn của Tây-sơn đến trước miếu Tam-tòa, chém được đô đốc bên địch tên là Trà và đốt luôn được một dãy thuyền của Tây-sơn, Lê-văn-Duyệt dẫn quân đến tiếp ứng đánh mặt ngoài phá tan được quân địch.

Nguyễn-vương lại sai Trương điều-bát thủy binh tiến luôn quân ra đánh Quảng-nam Quảng-ngãi. Ngài lại dụ rằng:

«...Ngươi ra đấy phải cho nghiêm quân-lệnh, không được để cho quân sĩ quấy nhiễu dân mới được!»

Trương phụng-mệnh tiến binh đến cửa bể Đại-cổ-lũy ở Quảng-ngãi, đánh phá đốt được hết kho chứa lương-thực, đô-đốc Tây sơn tên là Tuấn phải bỏ đồn mà chạy thoát thân. Trương thừa thắng, kéo đến cửa Đại-áp trong tỉnh Quảng-nam đáng phá được đồn Bản-tân, bắt được 27 con voi rồi tiến quân đến cửa Đại-chiêm (5) đánh phá luôn được cả các đồn của Tây-sơn ở Hội-an và Phúc-chiêm.

(*Còn nữa*)

NGUYỄN TRIỆU

---

(1) Phỏng theo *Đại Nam chính biên liệt-truyện* quyển 8, tờ 1 và B. A. V. H. 1914 p. 135.

(2) Tức là « Nước Xoáy » ở làng Long-Hưng hạt Sadec ngày nay,

(3) Đồn Hàm-luông ở vào mỏm trên cù-lao Bảo trong hạt Bentre (Nam-kỳ).

(4) Trận này cũng có mấy viên thủy-quan người Pháp là Vannier và Dayot theo đánh.

5) *Tức là cửa Đại ở gần Faifo.*

Thống chế Pétain đã nói:

Hỡi quốc dân thân yêu, nếu các người không tuân mệnh Bản chức, uốn mình theo kỷ luật, thì chính các người xô đẩy nước nhà vào hiểm địa.

MUỐN HIỂU ĐẾN NƠI ĐẾN CHỐN

MỘT DANH-TỪ, MỘT THÀNH-NGỮ, MỘT MÔN HỌC THUẬT

Các bạn cần phải đọc tập tài liệu

BÁCH KHOA ĐẠI-TỰ-ĐIỂN

của Quốc-Học Thư-Xã

Đón coi: tập SỬ-HỌC của cụ Lại Bộ PHẠM-QUỲNH

Lịch triều hiến chương

(*Tiếp theo trang 17*)

Tiếp theo mục trên (quyển X): nói tiếp về các ông tướng, nhưng là những tướng từ hồi Lê Trung-hưng.

Những bậc nho-giả có đức-hạnh, công-nghiệp (quyển XI):

Đời Trần 1 người;

Lê-sơ 10 người;

Mạc 4 người;

Lê Trung-hưng 14 người.

Cái lệ chép những nhân-vật trong nho-lâm này, tác-giả có nói ở cuối mục rằng: « Những bậc văn nho xưa nay dường không sao chép xiết. Nhưng phàm những ai chỉ đi học rồi đỗ mà đức-vọng văn-chương không có gì rõ rệt để có thể khảo được thì đều không chép cả. Nay chỉ tóm nhặt lấy những nhân-vật cao tót, trước sau được vài mươi người: hoặc được kể vì đạo-đức, hoặc được tỏ rệt vì khí-tiết, hoặc sở-trường về trước-thuật, hoặc nổi tiếng về van-chương. Cái cớ được chép tuy mỗi người một khác, nhưng đều vì họ có danh-tiếng ở đời; tóm lại, vì họ đều là những người không phụ cái tiếng nho-giả.

Những bầy tôi tiết nghĩa (quyển XII) tức là hạng bầy tôi hoặc nghĩa liệt, hoặc tiết-tháo, hoặc tử trung.

Đời Trần 6 người;

Lê-sơ 41 người;

Cuối Lê 1 người.

III. — Quan-chức chí (quyển XIII)

Loại này gồm lại làm một cương, chia ra làm 5 mục:

1·) *Lịch đại phân thiết chi cương* (cái đại cương các đời chia quan đặt chức): chuyên kê-cứu về chức phẩm (quyển XIII).

2·) *Quan-danh duyên cách chi biệt*: chuyên khảo sự dị đồng về quan danh lúc noi theo, lúc bãi bỏ (quyển XIV).

3·) *Thứ-tư chức-chưởng chi thù*: nói rõ về việc làm của từng chức quan ở mọi ty (quyển XV — XVI).

4·) *Tước ấm tư đồ chi điển*, là mục nói rõ những chế-độ về tản quan, về vinh-phong và thông tư, về ấm-tự và tư-đồ, về lệ bổng-lộc (quyển XVII).

Trong mục « *tước ấm tư đồ chi biệt* » lại chia ra những tiểu tiết như:

Tước cấp, nói từ đời Lý (1010-1224) đến mấy triều-đại nối sau: cái phép phong tước ra sao và phẩm cấp khác nhau thế nào.

Ấm-tự, nói từ đời vua Trần Thánh-tông năm Thiệu-long thứ 10 (1267) có lệ phong ấm cho các tông-thất, rồi từ đó, các triều-đại chế-định ra sao.

Tư đồ, kể từ đời Lý trở đi, quan-lại xuất thân có nhiều đường lối: hoặc do tuyển-cử, hoặc do khao-mục, hoặc do quyên tiền hay thóc.

Đến « *sĩ lệ ân tuất chi điển* » cũng chia làm nhiều lệ (quyển XVIII).

Bổng-lộc lệ, kể từ Lý Thánh-tông, năm Long-chương thứ hai (1067) ban từ đô-hộ phụ, sĩ-sư đến ngục-lại những bổng lộc như tiền, lúa, cá, muối v. v., mục đích để nuôi lòng thanh liêm cho họ.

Nội nhậm lộc lệ là những bổng lộc cấp cho từ hoàng thái-tử đến phụ-mã (phò-mã) đô-úy cho đến thái nhàn-tản nha môn.

Ngoại nhậm lộc lệ tức là bổng-lộc cấp cho các quan-lại từ chánh tứ-phẩm trở xuống.

Lệ cấp ruộng cho các quan viên: kể lệ định từ năm Hồng-đức thứ tám (1477).

Lệ cấp nhà và vườn cho hạng cao quan: kể lệ định từ đời vua Lê Thái-tổ năm Thuận-thiên thứ nhất (1428).

Lệ thăng-thụ: kể lệ định từ đời vua Lê Thánh-tông năm Quang-thuận thứ bảy (1466).

Lệ tạ ân: kể lệ định từ đời Lê Hi-tông, Vĩnh-trị thứ năm (1680).

Lệ phó nhậm: kể lệ định từ đời Lê Thần-tông Khánh-đức thứ hai (1650).

Lệ ký chú, tức là cái lệ cứ cuối mỗi năm, mỗi ty phải làm sổ ghi chép những lai-lịch xuất thân của các quan-lại, tỏ rõ kỳ ra làm việc đã lâu hay mới để tiện tra xét và so-sánh. Lệ này kể từ đời Lê Thần-tông Vĩnh-thọ năm thứ ba (1660).

Lệ đài lễ, chép từ đời Lê Thần-tông Thịnh đức thứ hai (1654).

Lệ trí sĩ, chép từ đời Lê Thánh-tông Quang-thuận thứ hai (1461).

Lệ tặng tuất chép từ đời Lê Giụ-tông Bảo-thái thứ ba (1722).

Lệ tự sự (thể-lệ về sự cúng tế các quan văn võ) cũng chép từ năm Lê Bảo-thái thứ ba (1722).

Lệ thuyên-cử khảo-khóa (quyển XIX):

Trước nói về việc thuyên-tuyển (lựa chọn thuyên-bổ), chép từ đời Lý Nhân-tông Thái-ninh thứ năm (1076).

Sau đó có phụ một mục là *tiền túc thuyên thụ*, tức là cái lệ ban tước hay phẩm cho những ai quyên tiền hoặc thóc vào việc công ích.

Bảo cử tức là tiến cử những người hiền-lương ra làm quan, chép từ đời Lê Thái-tổ Thuận-thiên nguyên niên (1428).

Khảo-khóa là lệ khảo hạch văn võ quan-liêu, xem ai không có lỗi thì cho thăng trật. Mục này khảo từ đời Lý Anh-tông Thiệu-minh năm thứ 23 (1160).

(Còn nữa)

H. B.

Bản sách-dẫn về « Đại-Nam liệt-truyện »

Số 15

Thọ-Xuân LÊ-VĂN-PHÚC

TÊN, HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ QUÁN	Tập (1)	Quyển	Trang	NÓC HỜ
KHƯƠNG 康 Nguyễn đức		Phú xuân	T	4	21b	cũng đọc Khang
KHƯƠNG 姜 Nguyễn văn		Vĩnh long, Vĩnh bình	S	15	7b	nay là vùng Long hồ, Chợ lách
KHƯƠNG » Trần phước		» »	S	8	6b	châu Trương phước Giai
35 L						
LẠI 賴 Trần công		Vĩnh long, Vĩnh bình	S	17	6b	nay là Chợ lách
LÃM 覽 Nguyễn quang		Thanh hóa, Qui huyện	S	18	11b	
LÃM 覽 Trương công		Bình định, Phù mỹ	S	16	27a	
LAN 欄 Nguyễn đình		Gia định, Phước lộc	S	15	6b	nay là Cần giộc
LANG 琅 Đặng quốc	tự Ôn-như	Thanh hóa, Mỹ hóa	N	31	12a	
LÂM 林 Đỗ thành		Bắc ninh, An phong	S	18	10b	
LÂM » Nguyễn	tự Hắc-hiên	Thừa thiên	N	24	18a	con Nguyễn tri Phương
LÂM » Nguyễn dương		Thừa thiên	T	4	23b	
LÂM » Nguyễn tấn		Thừa thiên, Hương trà	N	25	22a	
LÂM 霖 Trịnh văn		Hưng yên, Ân thi	N	39	23a	
LÂN 璘 Đỗ văn		Định tường, Kiến hưng	S	16	23a	nay là vùng Tân hiệp (Mỹtho)
LÂN » Hồ văn		Định tường, Kiến đăng	S	13	13a	nay là vùng Cai lậy (Mỹtho)
LÂN » Nguyễn		Gia định, Bình dương	S	17	6a	nay là vùng Sài gòn
LÂN 鄰 Nguyễn đức	trước tên Tiến	Bắc ninh, Đông ngạn	N	34	1b	Tổng mục chép 鄰
LÂN 鄰 Nguyễn văn		Biên hòa, Phước chánh	S	9	11a	nay là vùng châu thành và Tân uyên
LÂN » Trương văn		Định tường, Kiến hòa	S	17	11a	nay là vùng Chợ gạo (Mỹ tho)
LẬP 立 Nguyễn hữu	tự Nhu-phu	Nghệ an, Thanh chương	N	38	15b	
LỆ 勵 Nguyễn	trước tên Khắc-Cần	Sơn tây, An lạc	N	37	2b	
LỄ 禮 Bùi hữu		Thừa thiên, Phú vang	T	5	41b	
LỄ » Ngô văn		Định tường, Kiến đăng	S	17	5a	nay là vùng Cai lậy (Mỹ tho)
LỄ » Nguyễn văn		Gia định, Bình dương	S	19	15a	nay là vùng Sài-gòn
LÝ 理 Huỳnh đăng		Bình định, Tuy phước	S	25	11a	
LÝ » Lê đình		Bình định, Phù mỹ	N	27	11a	
LÝ » Nguyễn thị		An giang	N	44	8b	
LÝ » Nguyễn văn	tự Tuần-phủ	Hà nội, Thọ xương	N	31	6a	
LÝ » Phạm văn		Gia định, Tân hòa	N	15	10a	nay là Gò công
LÝ » Võ văn		Hà nội, Nam xương	N	36	7b	
LỊCH 瓅 Nguyễn huy	tự Ôn-như	Thanh hóa, Hoằng hóa	N	31	24b	
LIÊM 廉 Cù văn		Gia định, Bình dương	S	15	23b	nay là vùng Sài-gòn
LIÊM » Lê	tự Thanh-khê	Gia định, Lương phú	N	39	2a	nay thuộc Mỹ tho
LIÊM » Mai văn		Gia định, Tân long	S	15	24b	nay là Chợ lớn
LIÊM » Nguyễn van		Gia định, Bình dương	S	15	22a	
LIÊM » Nguyễn văn	tự Thối-chi	Nghệ an, An thành	N	39	3b	
LIÊM » Trần hiếu		không biết	S	26	10a	
LIÊN 蓮 Lê đa		Quảng bình, Lệ thủy	T	5	44a	
LIÊN 連 Ngô kim	cựu danh Lân	Thừa thiên, Hương trà	N	27	5a	
LIỄN 蓮 Phan huy		Nghệ an, Đông thành	N	36	15a	
LIÊU 璙 Đỗ huy	tự Tích-âng	Nam định, Đại an	N	33	21a	

1) T : Tiền biên, S : Sơ tập, N : Nhị tập

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 18

NGUYỄN HUY TƯỞNG

LÒNG Đặng-Lân phơi-phới... Hắn tưởng-tượng phút ấm-ân bên cạnh người khuê các kia. Một bậc tuyệt sắc giai nhân chắc phải có một hương vị đặc-biệt hơn tất cả những kẻ tầm thường. Hắn đứng dậy quả quyết :

— Mệnh lệnh của Chúa thực là vô lý. Sao ta lại nhám mắt theo ? Có gì, đã có chị ta che chở. Mà khi sự đã rồi, Chua có hoi, chả nhẽ lại đem làm tội con rể.

Nghĩ đến đấy, hắn gọi lớn :

— Bùi Đăng ! Bùi Đăng ! Lên mau, cậu hỏi.

Nghe giọng nói, Bùi-Đăng biết là cơn điên của chủ đã dịu, hắn chạy lên thưa :

— Thưa cậu, cậu truyền gì ?

Thấy chủ nhìn lên lầu Quận-Chúa, Bùi-Đang đoán được ý, nói ngay.

— Thưa cậu, cậu nên đi tắm rửa. Đêm thanh, cảnh vắng, đây là lúc cậu nên lên lầu nói chuyện với Quận-Chúa. Cậu đánh chén quá say, quên cả lễ hợp cẩn, cậu thực là một ông tân-lang kỳ quặc !

Đặng-Lân nói :

— Mày đun nước thơm mau, để ta tắm rồi lên lầu giáp mặt vợ ta.

Bùi Đăng dạ dạ luôn miệng. Một lúc lâu, Đặng-Lân tắm rửa sạch sẽ, mũ áo chỉnh tề, soi gương lấy làm tự đắc lắm. Quay hỏi Bùi Đăng :

Ta có xứng là rể Chúa Tĩnh-Đô không ?

Bùi Đăng lậy phục trước mặt Đặng-Lân và thưa :

— Cậu không xứng thì còn ai xứng nữa ? Chúa thực đã kén chọn được một vị giai tế. Và Quận-Chúa được một đức ông chồng như cậu, thực là cũng là tốt duyên. Nghĩa là con, đầy tớ trong nhà, cứ quen mồm gọi cậu, chứ người ngoài thì một là bẩm Phò-mã hai là hô Thiên tuế, con rể Chúa có phải chuyện tầm-thường ?

Lân cười híp mắt lại :

— Phò-mã cũng được người ta hô Thiên tuế à ? Tưởng chỉ có Thế tử ?

Phò mã thì khác gì Thế-tử ? Cậu bây giờ phải đặt ra lễ-nghi trong phủ, bắt buộc mọi người phải bẩm là Phò mã, phải hô là Thiên-tuế. Ra đường cũng vậy, ai không tuân theo, chém đầu hiệu lệnh. Việc ấy, cậu mà giao cho con, con xin làm đâu vào đấy.

— Ta không giao cho mày, thì còn ai giúp được việc ấy.

— Con còn có ý cho đặt ngoài chính môn một cái biển vàng đề ba chữ « Phò mã phủ » bắt ai đi bộ qua cũng phải cúi đầu chào, ai đi ngựa cũng phải xuống, như thế mới trọng-thể, mới uy-nghi, mới xứng với cái địa-vị của cậu.

— Phải đấy việc ấy ta nhờ mày. Mày không nói, ta cũng không nghĩ ra.

— Lại còn việc này nữa...

— Việc gì ?

— Cậu cũng nên bắt chước thói các vương hầu, lấy nhiều mỹ nữ, đặt ra buồng này buồng nọ, vừa để thêm sang, vừa để tận hưởng đời trai trẻ. Trong nhà mới có hơn 50 người, toàn là những kẻ tầm thường, nay cậu nên cho người đi bắt độ năm chục nữa, rồi tùy sắc, tùy tài, chia ra từng hạng : hạng vũ nữ, nhạc nữ, thị-nữ, vân vân. Cậu nghĩ có nên không ?

— Nên lắm, mà có thế mới đủ. Việc ấy ta giao cho mày.

— Con xin giúp cậu. Nhưng cậu cũng nên lên lầu đi, gần sáng rồi còn gì. Nói chuyện, thì còn bao nhiêu điều đáng nói.

— Vậy ta lên với Quận-Chúa đây. Thế nhỡ hai thằng già sinh sự thì làm thế nào ?

— Thì đánh cho một mẻ, đã làm gì được. Hai cái lão ấy, con trông chướng mắt lắm ! Thực chưa có đám cưới nào lạ-lùng và vô-lý như đám cưới cậu ! Cho quan đi kèm con gái thà đừng cho cưới còn hơn.

Đặng Lân cười vui vẻ, bước sang lầu.

Lương Ngự-sử và Khê trung hầu bấy giờ vẫn thức. Hai vị lão thần đã được mục kích cảnh dâm-ô và cuộc tàn sát dã man. Lương ngự-sử nói :

— Tôi đã nghe thấy người ta nói nhiều về sự bạc-ác và cái thói kiêu-xa dâm-dật của nó, không ngờ những nhời truyền chưa thấm vào đâu với sự thực. Nếu thế thì ra nó lộng-hành quá.

Khê trung-hầu nói :

— Tôi cũng không tưởng đến thế. Mà đấy là giữa hôm cưới đấy, những hôm khác nó còn hoành-hành đến đâu ? Nó giam không biết bao nhiêu đàn bà, con gái !

— Cụ không xem đấy ư ? Trong kinh-thành, bao nhiêu người mất con, mất vợ, có ai dám nói gì ? Mấy lần đến tai chúa-thượng, ngài ngơ đi, từ đó, còn ai dám phạm đến nó ! Ở vùng quê mới khổ nữa : Cứ mong manh đâu có con gái hay đàn bà đẹp, là nó mang lũ vô lại tới tận nơi, bắt hiếp đem đi, ai chống cự, đánh chết ngay lập tức, chẳng ai dám hỏi tội cả.

Khê trung-hầu thở dài :

— Chỉ thương hại cho Quận-chúa ! Tránh sao khỏi sự dập liễu vùi hoa !

— Cụ tính thế nào ?

— Chắc nó còn nể chúa-thượng, nên không dám tới đây. Con quc

dâm-dục và tàn bạo ấy cứ nghe thấy có đàn bà là lăn vào, huống chi là vợ nó.

— Việc này không thể để yên được. Tôi tính ta phải làm cho ra nhẽ. Tôi là đại-quan, lại càng không thể bỏ qua được. Phải tâu cho Chúa-thượng biết. Vậy thì ngay bây giờ, tôi thảo biểu tâu lên Chúa-thượng, nói rõ tình hình trong phủ Đặng-Lân. Cứ để thế này thì hại dân, hại nước, thương luân bại lý, không mấy lúc mà loạn! Cụ tính sao?

Khê trung hầu trầm ngâm một lúc, rồi nói:

— Cụ dạy phải lắm. Chỉ e Chúa thượng không xét. Chúa-thượng bây giờ như nhược quá lắm. Tôi ở gần nên biết rõ. Chúa không quyết định được điều gì. Tuyên phi muốn thế nào là Chúa theo thế ấy. Bao nhiêu đơn kiện Đặng-Lân đến tay Chúa, Chúa lại cho Tuyên-phi xem; một giọt nước mắt của Tuyên-phi, cũng đủ xóa hết tội Đặng-Lân. Kêu Chúa thì kêu nhưng chưa chắc đã thành.

— Không thành, tôi cũng thượng biểu. Những sự chướng tai gai mắt này phải để Chúa biết. Có thể thì mới cứu được Quận chúa. Tôi nhất định không để cho Quận chúa sa vào tay quân cường bạo...

Bỗng hai vị đại-thần thấy Đặng-Lân đi lại Khê-trung-hầu nói:

— Nó lại chăng?

Lương Ngự sử nói:

— Chắc hẳn rồi.

— Tôi nhất định không cho lên.

— Chúa giao cho mình việc giữ Quận-chúa, dù phải chết tội cũng không phụ nhời ủy thác.

— Đó là phận sự chủng mình. Huống chi tôi hầu-hạ Quận-chúa từ nhỏ, tình nghĩa rất nhiều. Chúa-thượng lại ân cần giao phó cho tôi công việc trông nom Quận chúa, trách nhiệm của tôi còn trọng đại hơn trách nhiệm quan Ngự-sử nhiều lắm.

Khê trung hầu nói vừa dứt nhời, thì Đặng-Lân cũng vừa lới gõ cửa.

Lương Ngự-sử thét:

— Ai?

Tiếng thét dõng dạc, danh thép khiến Đặng Lân hơi chột dạ. Trước lần trong phủ hắn mà hắn trông như đứng trước chốn tôn nghiêm. Hắn đáp có vẻ lễ phép:

— Tôi, Quốc cữu, tôi Phò mã đây mà!

Khê trung-hầu nói:

— Xin kính chào Phò mã. Chẳng hay Phò mã nửa đêm truyền bảo việc gì? (Còn nữa)

NGUYỄN HUY TƯỞNG

TRI-TÂN SẼ TĂNG GIÁ TỪ 1er JUIN 1943

Các bạn đồng-nghiệp hằng ngày đã tăng giá: đó vì vật giá càng ngày càng đắt, nhất là giấy mực. Nếu chúng tôi cứ giữ giá bán tờ Tri-Tân như giờ thì lỗ vốn nhiều quá; chúng tôi không thể hi sinh mãi nên bất đắc dĩ từ 1er Juin 1943 Tri-Tân cũng phải tăng giá lên như sau:

mỗi số	0$30
3 tháng	3 50
6 —	6 50
1 năm.	12 00

1·) Các bạn mua báo trả tiền rồi không phải trả thêm.

2·) Các bạn mua báo mà chưa trả tiền nếu trả trước ngày 1er Juin 1943 chỉ phải trả theo giá cũ là: 3 tháng 2$35 — 6 tháng 4$50 — 1 năm 8$50.

3·) Các bạn mới nếu mua báo mà trả tiền trước ngày 1er Juin 1943 cũng được hưởng theo giá cũ như trên đã nói.

4·) Các học-sinh các trường mua báo giả tiền ngay vẫn được hưởng lệ trừ 20%.

Tri Tân Tạp Chí

Là người Việt-Nam, ai cũng nên dùng:

Dầu hỏa Việt Nam, hiệu Thiên Thần

do cha Chúc chánh xứ Tựu-Liệt Văn-Điển (Hà-đông) sáng chế.

Thắp rất sáng, không khói, không nhờn, không hao, bấc không rắn lại, ngọn đèn không lụt đi

Dùng vào đèn dầu tây cũ. — Giá rất hạ.

Mua buôn, mua lẻ, xin hỏi **Agence Générale pour l'Indochine** là Tổng-Phát-Hành ở số nhà 58bis, phố Huế — Hanoi. giây nói số 494

Sách của thư-xã

Alexandre de Rhodes

ĐÃ XUẤT BẢN

Thơ Ngụ ngôn La Fontaine

Bản dịch của ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH, có cả Pháp văn đối chiếu.
150 trang đều có tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH
Bìa 3 màu, khổ 17×23.
Bản thường 1$00 — Bản giấy Đại La 5$00

KIM-VÂN-KIỀU, tome I

Bản dịch và chú thích của ông **Nguyễn-văn-Vĩnh**
350 trang khổ 17×23
Bản thường 2$00 — Bản giấy Vergé bouffant *7$00*

Lược-khảo Việt-Ngữ

của ông **Lê-văn-Nựu**
Ngót 100 trang khổ 12×17
Bản thường 0$50 — Bản giấy giò 4$00

—*—

ĐÃ XUẤT BẢN

LE PAYSAN TONKINOIS

à travers le parler populaire

Bản Pháp văn của ông PHẠM-QUỲNH
100 trang, cả tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
Bìa 2 màu, khổ 17×23
Bản thường 0$80 — Bản giấy Đại la 5$00

Tổng phát-hành **Mai-Lĩnh**

21 Rue des Pipes — Hanoi

ĐÃ CÓ BÁN : **ĐÀO-DUY-ANH**

*

TRUNG-HOA SỬ CƯƠNG

(Từ đời thái-cổ đến ngày nay, quyển sách đầu tiên viết bằng quốc-văn về lịch-sử Trung-hoa là nước văn-minh xưa nhất Á-đông và đã làm thầy văn hóa cho nước ta trong gần hai mươi thế kỷ). Giá bán: 3$00

VĂN-HÓA

29, Maréchal Pétain — Huế

NGÔ TẤT TỐ

THI VĂN BÌNH CHÚ

QUYỂN THỨ I : 1$20

QUYỂN THỨ II : 1$50

Đã xuất-bản trong « Tủ sách Tao-Đàn »

Một bộ sách văn học có giá trị hợp tập được hết tất cả những bài văn thơ có giá trị từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX. Bình chú rất công phu. Sách in cực đẹp.

Đã có bán

GỐC TÍCH LOÀI NGƯỜI

của Giáo Sư

Nguyễn-đức-Quỳnh

Giá 1$80

Mở đầu cho bộ « lịch sử thế giới » cuốn nghiên-cứu này sẽ trả lời cho những ai đang băn khoăn về do lai vũ trụ, do lai trái đất, do lai nhân loại một cách rất khoa học, rõ ràng.

Mua lẻ xin nhớ gửi tiền trước thêm 0$40 cước đảm bảo

HÀN THUYÊN PHÁT HÀNH

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur : Nguyễn-Tường-Phượng Administrateur Gérant : Dương Tụ-Quân
Imp. Tri-Tân — 70, Bạch-Mai Hanoi